

BỘ NGUYÊN TẮC CHUNG

Đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm

Phiên bản 1.1



Bản sao và bản dịch của tài liệu này có sẵn ở dạng điện tử trên
trang web UTZ:

www.utz.org

Mọi ý kiến đóng góp vui lòng gửi đến:

coffeecertification@utz.org

cocoacertification@utz.org

teacertification@utz.org

hazelnutcertification@utz.org

Hoặc qua đường bưu điện:
Phòng Tiêu chuẩn và Chứng nhận
UTZ

De Ruyterkade 6 bg
1013 AA Amsterdam
The Netherlands

© UTZ 2015

Không phần nào của ấn phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống có thể truy xuất, hoặc chuyển thành bất kỳ dạng nào hay bởi bất kỳ cách nào, điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hay cách nào khác mà không có thẩm quyền tuyệt đối.

Nội dung

Giới thiệu	3
Bộ nguyên tắc là gì?	3
Tại sao cập nhật phiên bản mới.....	3
Các thay đổi chính trong Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1.....	4
Khi nào thì tuân thủ với bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 và 1.1.....	4
Phạm vi	5
Tuân thủ luật pháp quốc gia và thỏa ước lao động tập thể	5
Hướng dẫn sử dụng Bộ nguyên tắc UTZ phiên bản 1.1.....	6
Cấu trúc.....	6
Cải tiến liên tục	6
Các tài liệu liên quan khác	8
Các từ viết tắt	9
Các định nghĩa	9
PHẦN A - QUẢN LÝ.....	13
PHẦN B - THỰC HÀNH CANH TÁC.....	26
PHẦN C - ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC.....	36
PHẦN D - MÔI TRƯỜNG	44

Giới thiệu

Bộ nguyên tắc là gì?

UTZ là một chương trình và nhãn hiệu cho canh tác bền vững.

Bộ nguyên tắc đưa ra các yêu cầu đó là trọng tâm của chương trình UTZ, bao gồm các biện pháp canh tác tốt hơn và điều kiện làm việc cũng như chăm sóc tốt hơn đối với thiên nhiên và thế hệ mai sau. Điều này góp phần cho người nông dân trồng trọt tốt hơn và có được thu nhập tốt hơn, làm tăng khả năng thích nghi kinh tế và xã hội của họ trong khi bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của trái đất cho tương lai.

Bộ nguyên tắc được phát triển với sự hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan, bao gồm cả sự tham vấn cộng đồng trên phạm vi rộng. Bộ nguyên tắc cũng dựa trên các Công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế¹ và Công ước của Liên Hợp Quốc². Điều này đảm bảo rằng Bộ nguyên tắc là một tập hợp các tiêu chí được quốc tế công nhận đối với canh tác bền vững, phản ánh các hiệp định, nghiên cứu, và chuyên môn mới nhất. Quá trình xây dựng và sửa đổi Bộ nguyên tắc phù hợp với các yêu cầu của hiệp hội tiêu chuẩn bền vững toàn cầu, Liên minh ISEAL.

Nếu các thành viên của nhóm nông hộ thực hiện các yêu cầu của Bộ nguyên tắc, và có một cuộc đánh giá độc lập được thực hiện bởi một Tổ chức Chứng nhận (CB) đã được phê duyệt và đạt được chứng nhận, họ sẽ bán được sản phẩm của họ như là hàng chứng nhận UTZ và nhóm có thể ghi lại việc bán trong hệ thống truy nguyên UTZ. Đối với những người mua, điều này cung cấp đảm bảo độc lập của sản xuất bền vững.

Tại sao cập nhật phiên bản mới

Việc sửa đổi Bộ nguyên tắc cung cấp cơ hội cải tiến dựa trên kinh nghiệm đã có, bài học kinh nghiệm và đầu vào được cung cấp thông qua việc thực hiện Bộ nguyên tắc cũ.

Ngoài ra, là một thành viên của liên minh ISEAL, UTZ cam kết sửa đổi Bộ nguyên tắc 5 năm một lần, có tính đến các phản hồi nhận được trong quá trình tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

Việc chuẩn bị cho quá trình tham vấn bắt đầu vào đầu năm 2012, và tham vấn lần đầu vào tháng 6 năm 2012. Quá trình này bao gồm các cuộc khảo sát thông tin phản hồi công khai trực tuyến và hội thảo các bên liên quan và các cuộc họp - chủ yếu là các nước sản xuất - để thu thập ý kiến từ ngành nông nghiệp và đại diện chính phủ, ban điều phối ngành hàng quốc gia, các viện nghiên cứu, các tư vấn viên, các tổ chức chứng nhận, các tổ chức phi chính phủ, các nhà sản xuất, và các đại diện nhóm nhà sản xuất.

¹ C001 (Công ước về giờ làm việc), C029 (Công ước về lao động cưỡng bức), Co87 (Công ước về tự do hiệp hội), C095 (Công ước về bảo vệ tiền lương), C098 (Công ước về quyền tổ chức và thương lượng tập thể), C100 (Công ước về bình đẳng thù lao), C105 (Công ước về xóa bỏ lao động cưỡng bức), C110 (Công ước về đồn điền), C111 (Công ước về phân biệt đối xử), C138 (Công ước về độ tuổi tối thiểu), C143 (Công ước về lao động nhập cư), C155 (Công ước về sức khỏe và an toàn lao động), C182 (Công ước về hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất), C184 (Công ước về sức khỏe và an toàn trong nông nghiệp) và R193 (Khuyến nghị xúc tiến hợp tác xã).

² Nghị định thư về ngăn chặn, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung công ước liên hợp quốc về chống tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức

Kết quả của quá trình sửa đổi này là Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 đã được công bố vào tháng 6 năm 2014.

Sau này, Bộ nguyên tắc đã được thử nghiệm thực tế để đánh giá việc thực hiện và khả năng thanh tra để thu thập thông tin phản hồi nhằm cải tiến phiên bản 1.0. Phản hồi thu thập được giữa khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2014 tới tháng 4 năm 2015 xuất phát từ các mô hình thử nghiệm ở các nước chủ đạo, các khóa đào tạo, hội thảo và kinh nghiệm từ các thành viên thực hiện Bộ nguyên tắc mới trong giai đoạn này.

Kết quả của quá trình sửa đổi này là Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1 đã được xây dựng. Đợt xem xét tiếp theo của Bộ nguyên tắc sẽ được diễn ra trong năm 2019.

Các thay đổi chính trong Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1

Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1 đối với chứng nhận nhóm được xây dựng từ một Bộ nguyên tắc chung áp dụng cho tất cả các sản phẩm UTZ, cũng như các Mô đun mô tả các yêu cầu đặc thù đối với mỗi loại sản phẩm.

Vì nhiều yêu cầu cho các hoạt động trước chế biến sau thu hoạch có thể áp dụng cho nhiều sản phẩm, các yêu cầu này cũng được bao gồm trong Bộ nguyên tắc. Các mô đun dành cho sản phẩm đặc thù đảm bảo rằng các yêu cầu cần thiết cho việc sản xuất và chế biến các sản phẩm cụ thể được đáp ứng, và cung cấp sự linh hoạt để tích hợp các loại sản phẩm mới vào trong chương trình UTZ.

Bộ nguyên tắc chung phải luôn luôn được áp dụng cùng với các Mô đun của từng sản phẩm cụ thể.

Khi nào thì tuân thủ với bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 và 1.1

Bộ nguyên tắc chung và các Mô đun sản phẩm đặc thù thay thế một loạt các Bộ nguyên tắc UTZ dành cho sản phẩm cụ thể (gọi là Bộ nguyên tắc cũ): đối với Cà phê (phiên bản 1.2 tháng 11 năm 2010), đối với Chè (phiên bản 1.0 tháng 7 năm 2009), đối với Cacao (phiên bản 1.0 tháng 4 năm 2009), và đối với Rooibos (phiên bản 1.0 tháng 2 năm 2011). Tất cả các yêu cầu trước đây trong Bộ nguyên tắc nhà máy đối với Chè và Bộ nguyên tắc đối với Chế biến Rooibos hiện nay được bao gồm trong Bộ nguyên tắc chung và Mô đun Chè và Mô đun Rooibos tương ứng.

Việc áp dụng chứng nhận Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 bắt buộc từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 trở đi.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 có thể áp dụng Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 hoặc 1.1.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 bắt buộc áp dụng Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1.

Nhóm và các thành viên nhóm đã được chứng nhận theo Bộ nguyên tắc cũ có thể đánh giá theo cùng năm chứng nhận của chứng nhận trước, khi được đánh giá theo Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 hoặc 1.1. Ví dụ: một nhóm hoặc thành viên nhóm đã đánh giá trong năm 2014 với năm tuân thủ thứ 3 của Bộ nguyên tắc cũ có thể được đánh giá trong năm 2015 với năm tuân thủ thứ 3 của Bộ nguyên tắc chung mới và Mô đun liên quan (phiên bản 1.0 hay 1.1).

Nhóm và nhóm các thành viên được chứng nhận Năm 4 của Bộ nguyên tắc cũ (bao gồm các nhóm và nhóm các thành viên đã được chứng nhận 4 năm hoặc nhiều hơn) được đánh giá theo Năm 3 trong lần đánh giá đầu tiên của Bộ nguyên tắc chung và Mô đun liên quan (phiên bản 1.0 hoặc 1.1).

Nhóm và các thành viên nhóm đã được chứng nhận theo Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 phải được đánh giá theo năm tuân thủ kế tiếp trong cuộc đánh giá tiếp theo theo Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 hay 1.1. Ví dụ, một nhóm được đánh giá vào năm 2014 theo Năm 3 (năm tuân thủ thứ 3) của Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 được đánh giá lại vào năm 2015 theo Năm 4 của Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 hay 1.1.

Các nhóm có thể được đánh giá theo các Bộ nguyên tắc UTZ dành cho sản phẩm cụ thể, phiên bản 1.2 tháng 11 năm 2010 đối với Cà phê, 1.0 tháng 7 năm 2009 đối với Chè, 1.0 tháng 4 năm 2009 đối với Cacao, và 1.0 tháng 2 năm 2011 đối với Rooibos, đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Các giấy chứng nhận được ban hành từ kết quả của các cuộc đánh giá đã được thực hiện sau ngày này và được đánh giá theo một trong các phiên bản cũ nêu trên sẽ không còn được chấp nhận.

Giấy chứng nhận được ban hành từ kết quả của các cuộc đánh giá được thực hiện sau ngày 1 tháng 1 năm 2016 đối với Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 sẽ không được chấp nhận.

Phạm vi

Các yêu cầu trong Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1 đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm áp dụng cho tất cả các nhóm sản xuất nông nghiệp và các thành viên của họ sản xuất và bán các hàng hóa như là hàng UTZ. Việc cấp chứng nhận phải được thực hiện bởi một tổ chức chứng nhận (CB) đã được UTZ phê duyệt (xem Quy chế chứng nhận UTZ³). Bạn có thể tìm thấy danh sách các tổ chức chứng nhận (CBs) đã được phê duyệt trên trang web⁴ của UTZ.

Các điểm kiểm soát trong Bộ nguyên tắc phiên bản 1.1 đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm bao gồm các yêu cầu được đáp ứng của quản lý nhóm (Hệ thống quản lý nội bộ), nhân viên nhóm, các thành viên nhóm, và/hoặc lao động thành viên nhóm.

Ngoại trừ trường hợp được nêu khác, các điểm kiểm soát trong phần A và B chỉ áp dụng cho cây trồng được đánh giá và được chứng nhận. Các điểm kiểm soát trong phần C và D áp dụng cho toàn bộ trang trại (bao gồm cả hộ cá thể) của thành viên nhóm và cho tất cả các hoạt động được thực hiện bởi nhóm.

Tuân thủ luật pháp quốc gia và thỏa ước lao động tập thể

UTZ phấn đấu cho các thành viên trở thành người tiêu biểu tạo điều kiện phát triển xã hội, kinh tế và môi trường trong khu vực hoạt động sản xuất của mình. Về lĩnh vực này, các nhóm và các thành viên nhóm tuân thủ theo luật pháp quốc gia, các quy định và các thỏa thuận ngành hoặc các thỏa ước lao động tập thể (t-Ư-l-đ-t-t).

Có thể có một sự khác biệt giữa những gì được yêu cầu trong một điểm kiểm soát và những gì được yêu cầu theo luật pháp quốc gia hoặc khu vực hoặc một t-Ư-l-đ-t-t. Trong trường hợp mà luật pháp quốc gia hoặc khu vực hoặc t-Ư-l-đ-t-t, khắt khe hơn yêu cầu của điểm kiểm soát thì luật pháp quốc gia hoặc khu vực hoặc t-Ư-l-đ-t-t sẽ được ưu tiên (trừ khi các quy định đã trở nên lỗi thời hoặc hết thời hạn). Trong trường hợp mà luật pháp quốc gia, khu vực hoặc t-Ư-l-đ-t-t không khắt khe như yêu cầu của điểm kiểm soát, thì yêu cầu của điểm kiểm soát sẽ được ưu tiên (trừ khi điểm kiểm soát nêu rõ ràng rằng áp dụng theo luật pháp quốc gia hoặc khu vực hoặc t-Ư-l-đ-t-t). Phải đặc biệt lưu ý đến định nghĩa "lao động nhẹ nhàng" trong mỗi quốc gia để đảm bảo tuân thủ với các yêu cầu theo G.C.77 – Lao động trẻ em.

³ Quy chế chứng nhận UTZ được tìm thấy trên trang web UTZ: www.utz.org

⁴ Danh sách các tổ chức chứng nhận (CBs) được tìm thấy trên trang web UTZ: www.utz.org

Hướng dẫn sử dụng Bộ nguyên tắc UTZ phiên bản

1.1

Cấu trúc

Bộ nguyên tắc chung cho chứng nhận nhóm và đa nhóm được chia làm 4 phần, đại diện cho 4 khía cạnh của nông nghiệp bền vững:

- Phần A. Quản lý
- Phần B. Thực hành canh tác
- Phần C. Điều kiện làm việc
- Phần D. Môi trường

Mỗi **phần** được giới thiệu bởi các **nguyên tắc** then chốt trong “Lý thuyết của sự thay đổi”⁵ của UTZ, và được chia thành các **chủ đề chính** (bôi màu cam) và các **chủ đề phụ** (bôi màu vàng). Mỗi **chủ đề** (chính hoặc phụ) bao gồm một tập hợp các **điểm kiểm soát**.

Mỗi **điểm kiểm soát** chứa 8 **cột** với thông tin liên quan để thực hiện và đánh giá sự tuân thủ:

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
------	----------------	-------------	-------	-------	-------	-------	--------------------

- **CP #:** Cho biết phần và số của điểm kiểm soát.
- **Điểm kiểm soát:** Cung cấp yêu cầu cần được đáp ứng.
- **Áp dụng với:** Cho biết điểm kiểm soát áp dụng cho đối tượng nào, và ai sẽ được đánh giá để xác minh yêu cầu được đáp ứng (G: nhóm; M: thành viên nhóm).
- **Năm 1, 2, 3, và 4:** Cho biết năm tuân thủ mà điểm kiểm soát phải được đáp ứng.
- **Làm rõ để tuân thủ:** Cung cấp giải thích rõ hơn để thực hiện và đánh giá việc tuân thủ. Việc tuân thủ với các nội dung làm rõ được đưa ra trong cột này là **bắt buộc**.

Cải tiến liên tục

Bộ nguyên tắc có quá trình 4 năm để cải tiến phản ánh triết lý hàng đầu của UTZ để khuyến khích ‘cải tiến liên tục’ của các doanh nghiệp nông nghiệp.

Trong chương trình UTZ, các nhóm và các thành viên nhóm cần phải tuân thủ với một số các điểm kiểm soát bắt buộc để được chứng nhận. Trong suốt 4 năm của quá trình cải tiến liên tục, số các điểm kiểm soát bắt buộc tăng lên, để khuyến khích các nhóm và các thành viên nhóm cải thiện các thực hành của họ. Thậm chí sau 4 năm của chương trình UTZ, các nhóm và các thành viên nhóm kéo dài chu kỳ cải tiến liên tục bằng cách cập nhật đánh giá rủi ro của họ, và thực hiện một kế hoạch quản lý nhóm với các hành động cần thiết để giải quyết những rủi ro đã được xác định.

⁵ https://www.utz.org/images/stories/site/pdf/downloads/impact/theory_of_change_infographic_web.pdf

Bộ nguyên tắc có 2 loại điểm kiểm soát:

1. Các điểm kiểm soát **Bắt buộc** (bôi màu xanh)
2. Các điểm kiểm soát **Bổ sung** (không bôi màu)

Ngoài các điểm kiểm soát bắt buộc, nhóm cần phải tuân thủ một số điểm kiểm soát bổ sung nhất định theo năm chứng nhận

Bảng 1 chỉ rõ số điểm kiểm soát bắt buộc và bổ sung có trong Bộ nguyên tắc đối với chứng nhận nhóm và đa nhóm theo năm chứng nhận.

Bảng 2 chỉ rõ số điểm kiểm soát (bắt buộc và bổ sung) mà nhóm cần phải tuân thủ theo năm chứng nhận.

Bảng 1: Số điểm kiểm soát bắt buộc và bổ sung theo năm áp dụng (chứng nhận Nhóm)

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Phần A	22	28	31	33
	11	5	2	0
Phần B	13	29	36	39
	29	13	6	3
Phần C	19	24	29	29
	11	6	1	1
Phần D	4	6	8	10
	9	7	5	3
Tổng số điểm kiểm soát bắt buộc trên năm	58	87	104	111
Tổng số điểm kiểm soát bổ sung trên năm	60	31	14	7

Bảng 2: Số điểm kiểm soát (bắt buộc và bổ sung) phải tuân thủ (chứng nhận Nhóm)

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Số điểm kiểm soát bổ sung phải tuân thủ trên năm	6	3	3	1
Tổng số điểm kiểm soát phải tuân thủ trên năm	64	90	107	112

Nhóm tự do chọn lựa các điểm kiểm soát bổ sung để tuân thủ, miễn là số lượng các yêu cầu cho chứng nhận được đáp ứng. Khi chuẩn bị cho đợt đánh giá tiếp theo, khuyến cáo nhóm nên chọn các điểm kiểm soát bổ sung mà sẽ trở thành bắt buộc trong năm chứng nhận sau.

Một số điểm kiểm soát có thể không áp dụng cho nhóm. Trước khi thực hiện Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 hoặc 1.1, nhóm cần đánh giá xem điểm kiểm soát nào áp dụng đối với thực trạng của họ. Ví dụ, nếu các thành viên nhóm không tưới nước bởi vì họ phụ thuộc hoàn toàn vào lượng mưa, thì các điểm kiểm soát liên quan đến tưới nước đều không áp dụng. Nếu một nhóm không thực hiện bất kỳ các hoạt động chế biến, thì tất cả các điểm kiểm soát liên quan đến hoạt động chế biến đều không áp dụng. Trong mỗi trường hợp như vậy, nhóm phải chứng minh được tại sao các điểm kiểm soát này không áp dụng. Đánh giá viên độc lập sẽ kiểm tra xem các điểm kiểm soát này có thực sự là không áp dụng đối với nhóm hay không.

Nếu một điểm kiểm soát bổ sung không áp dụng, thì phải được chỉ rõ ở cột nhận xét của Danh mục thanh tra trong quá trình tự đánh giá và đánh giá bên ngoài. Nó không thể bị trừ vào tổng số điểm

kiểm soát bổ sung phải áp dụng (nghĩa là nhóm chỉ có thể chọn từ các điểm kiểm soát bổ sung áp dụng với họ) và nó không thể được tính vào hoặc bị trừ vào tổng số điểm kiểm soát bổ sung phải tuân thủ.

Nếu một điểm kiểm soát bắt buộc không áp dụng với nhóm, thì phải được chỉ rõ ở cột nhận xét của Danh mục thanh tra trong quá trình tự đánh giá và đánh giá bên ngoài, cũng như trong việc tính toán tuân thủ trong bảng tính cuối cùng của Danh mục thanh tra.

Các tài liệu liên quan khác

Các tài liệu bổ sung có sẵn trên trang web⁶ UTZ để cung cấp hướng dẫn giúp hiểu và thực hiện Bộ nguyên tắc phiên bản 1.0 hoặc 1.1. Các tài liệu này bao gồm:

- **Quy chế chứng nhận:** Mô tả các thủ tục làm thế nào để được chứng nhận UTZ. Cũng như các thủ tục xác định quan hệ giữa các tổ chức chứng nhận (CBs) và UTZ.
- **Sổ tay Hướng dẫn thực hiện:** Cung cấp giải thích thêm về cách làm thế nào để tuân thủ với các điểm kiểm soát cụ thể. Tài liệu này dựa theo cấu trúc của Bộ nguyên tắc, chỉ rõ các điểm kiểm soát với mỗi nhận xét đề cập đến. Sổ tay Hướng dẫn thực hiện được cập nhật định kỳ.
- **Sổ tay Hướng dẫn Hệ thống quản lý nội bộ:** Hướng dẫn làm thế nào để thiết lập và đáp ứng mục tiêu của một Hệ thống quản lý nội bộ.
- **Tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro:** Giải thích làm thế nào để đánh giá rủi ro được thực hiện và trình bày ví dụ về rủi ro tiềm tàng và làm thế nào họ có thể đánh giá được và cách giải quyết.
- **Danh mục thanh tra Bộ nguyên tắc/Mô đun:** Danh mục thanh tra tóm tắt tất cả các điểm kiểm soát và các câu hỏi bao gồm cho cả mục đích giám sát và đánh giá, với một cột bổ sung dành cho các nhận xét. Các tài liệu này được sử dụng bởi nhóm trong khi thực hiện tự đánh giá. Các danh mục này cũng được sử dụng bởi các đánh giá viên của các Tổ chức Chứng nhận (CBs) thực hiện các cuộc đánh giá độc lập.
- **Danh mục thuốc BTV bị cấm:** Bao gồm tất cả các loại thuốc BTV bị cấm và không được sử dụng trên các loại cây trồng được chứng nhận UTZ. Tài liệu này cũng chứa Danh mục Thuốc hạn chế sử dụng bao gồm các loại thuốc BTV không bị cấm nhưng việc sử dụng chúng phải được theo dõi chặt chẽ và chỉ được sử dụng nếu không có sẵn giải pháp thay thế.

Phiên bản bằng tiếng Anh của tất cả các tài liệu chứng nhận (bao gồm Bộ nguyên tắc) và các tài liệu khác được thực hiện bởi UTZ là phiên bản chính thức. Khi có bất kỳ nghi ngờ liên quan đến các bản dịch, vui lòng xem lại phiên bản bằng tiếng Anh.

Nhóm phải luôn luôn áp dụng phiên bản mới nhất của tất cả các tài liệu nêu trên.

⁶ www.utz.org

Các từ viết tắt

Danh sách các từ viết tắt được sử dụng trong tài liệu này:

GIP	Cổng thành viên Good Inside
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
HIV/AIDS	Vi rus HIV / bệnh AIDS
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
IMS	Hệ thống quản lý nội bộ (trước đây gọi là ICS)
IPM	Quản lý dịch hại tổng hợp
MRL	Mức dư lượng tối đa
NGO	Tổ chức phi chính phủ
PPE	Thiết bị bảo vệ cá nhân (Bảo hộ lao động)
WHO	Tổ chức y tế thế giới

Các định nghĩa

Hoạt chất	Chất hóa học hoặc thành phần của một sản phẩm thuốc BVTV có thể tiêu diệt, đẩy lùi, thu hút, giảm thiểu hoặc kiểm soát một loại sâu bệnh (khác với các “thành phần trợ” như nước, dung môi, chất nhũ hóa, hoạt động bề mặt, đất sét và chất nổ).
Hành lang sinh học	Một khu vực địa lý được xác định là khu vực kết nối giữa cảnh quan, hệ sinh thái và môi trường sống (tự nhiên hoặc được thay đổi), và đảm bảo việc duy trì đa dạng sinh học và các quá trình sinh thái và tiến hóa.
Người liên lạc lao động trẻ em	Một thành viên cộng đồng, được bổ nhiệm bởi nhân viên IMS, dẫn dắt các hành động để ngăn chặn, giám sát và khắc phục (nếu có) các trường hợp lao động trẻ em trong cộng đồng, ghi chép và báo cáo các trường hợp như vậy cho nhân viên nhóm. Người liên lạc có thể là một thành viên nhóm hoặc bộ phận của nhân viên nhóm, nhưng cũng có thể là một người khác trong cộng đồng (ví dụ: một giáo viên hoặc một người đại diện tôn giáo của một cộng đồng tôn giáo). Có thể là một người, nhưng cũng có thể là một ủy ban.
Thỏa ước lao động tập thể	Một bản thỏa thuận về điều kiện làm việc và việc làm giữa: a) Một người sử dụng lao động, nhóm sử dụng lao động, hoặc một tổ chức sử dụng lao động và b) Một tổ chức đại diện của người lao động hoặc những đại diện của người lao động được bầu chọn hợp lệ và được họ ủy quyền theo pháp luật và theo các quy định quốc gia.
Nạn phá rừng	Việc con người gây ra trực tiếp chuyển đổi đất rừng thành đất không rừng.
Suy thoái	Sự xáo trộn đáng kể, trực tiếp hoặc gián tiếp, của một hệ sinh thái tự nhiên gây ra bởi hoạt động của con người, như là việc trồng trọt và khai thác lâm sản để xây dựng, tạo năng lượng, thực phẩm hoặc các mục đích khác. Suy thoái bao gồm làm giảm mật độ, cơ cấu, thành phần loài hoặc sinh khối của thảm thực vật của hệ sinh thái tự nhiên.
Đánh giá bên ngoài	Đánh giá được thực hiện bởi một tổ chức chứng nhận để kiểm tra sự tuân thủ với Bộ nguyên tắc.
Trang trại	Tất cả đất đai và cơ sở vật chất sử dụng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp và chế biến thuộc phạm vi quản lý như nhau và bởi các quy trình thực hiện như nhau.

Rừng	Vùng đất rộng trên 0.5 ha với những cây cao trên 5 mét và có độ che phủ trên 10 %, hoặc những cây có thể tiếp cận được các ngưỡng này tại chỗ. Rừng không bao gồm đất cho sử dụng cho nông nghiệp hoặc đô thị.
Phân bón	Bất kỳ loại vật liệu hữu cơ hay vô cơ có nguồn gốc tự nhiên hay nhân tạo (trừ vôi) được đưa vào đất để cung cấp một hoặc nhiều chất dinh dưỡng cần thiết cho sự sinh trưởng của cây trồng.
Phân vô cơ	Một vật liệu phân bón trong đó Carbon không phải là một thành phần thiết yếu trong cấu trúc hóa học cơ bản của nó. Phân bón, trong đó các chất dinh dưỡng ở dạng muối vô cơ thu được bởi quá trình công nghiệp chiết xuất và/hoặc bằng vật lý và/hoặc bằng hóa học. Ví dụ như Nitrat Amon, Sulfat Amon, Clorua Kali.
Phân hữu cơ	Sản phẩm phụ từ việc chế biến các vật chất nguồn gốc động vật và thực vật có chứa đầy đủ các chất dinh dưỡng cho cây trồng để làm phân bón. Ví dụ như phân ủ, phân chuồng, phân trấu, mùn.
Thực hành nông nghiệp tốt	Các thực hành hướng đến sự bền vững về mặt kinh tế, xã hội và môi trường trên trang trại, các quá trình sản xuất sản phẩm sau thu hoạch, tạo ra sản phẩm nông nghiệp an toàn và chất lượng.
Nhóm	Một nhóm các nông hộ được tổ chức là một phần của một IMS và được chứng nhận cùng nhau theo phương thức "Chứng nhận Nhóm" hoặc "Chứng nhận Đa nhóm" được mô tả trong Quy chế chứng nhận UTZ. Nhóm các nông hộ có thể được tổ chức trong một hiệp hội hoặc hợp tác xã hoặc được quản lý bởi một thành viên chuỗi cung ứng (như là một đơn vị xuất khẩu) hoặc một tổ chức khác.
Thành viên nhóm	Một nhà sản xuất (nông hộ) được chứng nhận như là một phần của một nhóm. Có thể là một người quản lý thực tế của trang trại (ví dụ: một người thuê đất), và không nhất thiết phải là một chủ sở hữu đất.
Giá thưởng thành viên nhóm	Một phần giá thưởng UTZ nhận được bởi một nhóm được chuyển đến các thành viên nhóm bằng tiền mặt và/hoặc bằng hiện vật. Giá thưởng thành viên nhóm không bao gồm chi tiêu quản lý (như là việc sử dụng giá thưởng cho chi phí đánh giá và các mục đích hành chính khác), cũng không phải dịch vụ hoặc chuyển giao sản phẩm cho toàn bộ nhóm/cộng đồng (như là các cơ sở vật chất hoặc đào tạo).
Người lao động thành viên nhóm	Người lao động sản xuất nông nghiệp thực hiện công việc cho một thành viên nhóm.
Nhân viên nhóm	Những người lao động thực hiện công việc cho một nhóm được chứng nhận UTZ. Điều này bao gồm nhân viên IMS (như là thanh tra viên nội bộ và nhân viên văn phòng làm việc cho IMS), cũng như những người lao động tại các địa điểm trung tâm sản xuất, chế biến và bảo trì.
Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	Một phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để sản xuất và bảo vệ cây trồng kết hợp nhiều chiến lược quản lý và các thực hành đa dạng để cây trồng phát triển khỏe mạnh và giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
Xen canh	Hệ thống cây trồng trong đó có hai hoặc nhiều hơn loại cây trồng được trồng tại cùng thời gian trên một đơn vị diện tích. Xen canh được sử dụng để tăng năng suất, nâng cao độ phì nhiêu đất, và giảm thiểu sâu và bệnh hại.
Thanh tra nội bộ	Thanh tra một nhóm/thành viên chuỗi cung ứng được thực hiện bởi một người (hoặc một nhóm người) theo chỉ định của IMS để đánh giá sự tuân thủ của các thành viên nhóm / thành viên chuỗi cung ứng với tất cả các yêu cầu áp dụng của Bộ nguyên tắc.

Hệ thống quản lý nội bộ (IMS)	Một hệ thống quản lý chất lượng được lập thành văn bản với mục đích đảm bảo rằng nhóm và các thành viên nhóm tuân thủ với các yêu cầu áp dụng của Bộ nguyên tắc UTZ.
Mức dư lượng tối đa (MRL)	Một giới hạn pháp lý cho phép đối với lượng tối đa dư lượng hóa chất được phép trên thực phẩm. MRLs đóng vai trò như là một chỉ số về việc sử dụng đúng thuốc bảo vệ thực vật.
Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) quá hạn	Thuốc BVTV không còn được phép sử dụng, ví dụ, bởi vì chúng đang bị mất chất lượng, hết hạn hoặc không còn được phép sử dụng.
Lao động lâu dài	Người lao động có hợp đồng lao động trên 12 tháng.
Thuốc bảo vệ thực vật	Thuốc trừ sâu, trừ nấm, trừ cỏ, khử trùng và các chất khác hoặc hỗn hợp các chất dùng để ngăn ngừa, tiêu diệt hoặc kiểm soát bất kỳ loài sâu hại hoặc bệnh hại, bao gồm các loài không mong muốn của thực vật và động vật gây hại hoặc can thiệp vào sản xuất, chế biến, lưu kho, vận chuyển hoặc thị trường thực phẩm hoặc các hàng hóa nông sản. Thuật ngữ này bao gồm các chất sử dụng như là làm tăng trưởng cây trồng, làm rụng lá, hút ẩm hoặc tác nhân làm mỏng trái cây hoặc ngăn chặn hư hỏng sớm của trái cây, và các chất áp dụng cho các loại cây trồng trước hoặc sau khi thu hoạch để bảo vệ hàng hóa khỏi bị suy giảm trong quá trình lưu kho và vận chuyển.
Giống trồng	Hạt giống, cây giống, vật liệu nhân giống và các vật liệu thực vật khác được sử dụng để thiết lập, thay thế hoặc khôi phục đồng ruộng của vụ mùa chứng nhận UTZ hoặc để sản xuất nhiều giống trồng hơn.
Thời gian cách ly	Thời gian giữa lần sử dụng thuốc BVTV cuối cùng và thời gian được phép thu hoạch của cây trồng đã được xử lý hoặc trong khu vực đã được xử lý thuốc.
Rừng nguyên sinh	Một khu rừng chưa bao giờ bị chặt phá, đã phát triển tự nhiên và theo quá trình tự nhiên, không kể tuổi tác của nó.
Chế biến	Việc làm thay đổi sản phẩm đến thành phẩm hoặc bán thành phẩm bao gồm thay đổi các sản phẩm thô/nguyên liệu thô tại cấp độ trang trại.
Nhà sản xuất	Người hoặc tổ chức mà đại diện cho trang trại và chịu trách nhiệm về sản phẩm được bán bởi trang trại.
Sản xuất	Các hoạt động được thực hiện để cung cấp các sản phẩm nông nghiệp ở trạng thái mà chúng được tạo ra trên trang trại. Điều này bao gồm việc trồng trọt, chăm sóc và các hoạt động thu hoạch.
Khu vực sản xuất	Khu vực sử dụng để sản xuất sản phẩm vụ mùa được chứng nhận.
Năng suất	Tỷ lệ đầu ra nông nghiệp với đầu vào. Các giải pháp năng suất làm thế nào để đầu vào hiệu quả – như đất, lao động, phân bón, thuốc BVTV, máy móc và nước tưới được sử dụng trong quá trình sản xuất.
Khu bảo tồn	Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, được dành riêng và được quản lý thông qua luật pháp hoặc các biện pháp hiệu quả khác để được bảo tồn lâu dài của thiên nhiên với việc kết hợp các dịch vụ sinh thái và các giá trị văn hóa. Ví dụ như các công viên quốc gia, các khu vực hoang dã và các khu bảo tồn thiên nhiên.
Tiền lương thực tế	Tiền lương đã được điều chỉnh do lạm phát.
Thời gian tái tiếp cận	Thời gian từ khi áp dụng thuốc BVTV cho một khu vực và đến khi trở lại an toàn tại khu vực nơi mà đã phun thuốc BVTV mà không cần thiết phải mặc bảo hộ.

<i>Đánh giá rủi ro</i>	Một quá trình có hệ thống để xác định và đánh giá các mối nguy. Các mối nguy có thể được xác định trong một môi trường bên ngoài (ví dụ: xu hướng kinh tế, các sự kiện khí hậu, cạnh tranh) và trong một môi trường nội bộ (ví dụ: con người, quá trình, cơ sở hạ tầng). Khi các mối nguy này ảnh hưởng đến các mục tiêu – hoặc có thể được dự báo sẽ xảy ra – chúng trở thành các rủi ro.
<i>Nước uống an toàn</i>	Nước có chất lượng mà con người có thể sử dụng, không có rủi ro gây tổn hại trước mắt hoặc lâu dài.
<i>Rừng thứ sinh</i>	Một khu rừng đã được khai thác và đã được phục hồi tự nhiên hoặc nhân tạo. Bao gồm cả rừng bị suy thoái đó là rừng thứ sinh, do hoạt động của con người, đã bị mất cấu trúc, chức năng, thành phần loài hoặc trữ lượng thường được gắn với một loại rừng tự nhiên dự kiến trên địa điểm đó.
<i>Người thuê đất</i>	Người nông dân thuê đất để làm, người mà làm việc trên đất của một chủ đất chia một phần của vụ mùa hoặc một phần của việc bán sản phẩm vụ mùa cho chủ đất.
<i>Nhà thầu phụ</i>	Một tổ chức hoặc cá nhân ký hợp đồng với một nhóm, thành viên nhóm hoặc nhà sản xuất để thực hiện một hay nhiều hoạt động được nêu trong Bộ nguyên tắc, ví dụ như phun thuốc, chế biến, thu hoạch, vận chuyển hoặc bảo vệ cơ sở chế biến và các địa điểm khác.
<i>Lao động tạm thời</i>	Người lao động với hợp đồng hoặc được dự kiến thời gian làm việc dưới 12 tháng.
<i>Loài bị đe dọa hoặc nguy cơ tuyệt chủng</i>	Các loài thực vật và động vật được chỉ ra bị đe dọa hoặc nguy cơ tuyệt chủng trong luật pháp quốc gia hoặc các hệ thống phân loại và/hoặc trong danh sách đỏ IUCN về các loài bị đe dọa, cũng như bất kỳ những loài được bao gồm trong Công ước thương mại quốc tế về các loài động thực vật hoang dã nguy cơ tuyệt chủng (CITES).
<i>Truy nguyên nguồn gốc</i>	Đảm bảo rằng các sản phẩm được chứng nhận bền vững có nguồn gốc từ nguồn được chứng nhận và/hoặc hỗ trợ sản xuất bền vững, bằng một hệ thống nhận dạng được ghi chép lại.
<i>Giá thưởng UTZ</i>	Một khoản tiền mặt được trả thêm cao hơn giá thị trường cho một sản phẩm thông thường (không được chứng nhận/không được xác nhận) tương tự, bởi vì sản phẩm này được sản xuất bền vững và đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn UTZ. Giá thưởng UTZ là bắt buộc và được nhất trí bởi nhóm hoặc nhà sản xuất có chứng nhận Bộ nguyên tắc UTZ và người mua đầu tiên, là giá trị thực nhận sau khi khấu trừ các khoản để hoàn trả cho hàng hóa hoặc dịch vụ được ứng trước, và được đăng ký trong Good Inside Portal của UTZ.
<i>Nguồn nước</i>	Sự tích tụ đáng kể (tự nhiên hoặc nhân tạo) của nước, bao gồm như: hồ, đầm phá, ao, hồ chứa, vùng đất ngập nước, sông, suối và kênh rạch.
<i>Người lao động</i>	Người thực hiện công việc trên trang trại hoặc cho một nhóm hoặc thành viên nhóm. Định nghĩa này bao gồm tất cả các loại hình lao động như tạm thời, lâu dài, nhập cư, nhất thời, gia đình và lao động theo sản phẩm.

PHẦN A - QUẢN LÝ

Các nguyên tắc:

- Trang trại có thể làm kinh tế và phục hồi.
- Trang trại có lợi nhuận trong thời gian dài.
- Trang trại có hiệu quả và đạt được năng suất tối ưu.
- Nhóm thực hiện quản lý rủi ro.
- Nhóm được quản lý tốt và cung cấp dịch vụ tốt và đáng tin cậy cho các thành viên của họ.
- Các thành viên nhóm có thể kiếm được thu nhập đủ sống có tiêu chuẩn sống đàng hoàng cho bản thân họ và gia đình họ.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Nhận dạng khu vực sản xuất							
G.A.1	Phải có một bản đồ tổng thể khu vực sản xuất, cập nhật đầy đủ các thông tin mới nhất.	G					Bản đồ này bao gồm: - Các khu vực vườn cây kinh doanh, khu vực trồng mới và vườn ươm, - Khu bảo tồn, - Nguồn nước, - Khu dân cư, và - Tọa độ GPS của hệ thống quản lý nội bộ (IMS) (nếu tọa độ này không đại diện cho vị trí trong khu sản xuất, thì đưa ra một tọa độ đại diện tương đối cho trung tâm của khu vực sản xuất)
G.A.2	Xác định tổng diện tích vườn cây được chứng nhận.	G					Diện tích được xác định bằng cách sử dụng một (các) phương pháp đáng tin cậy ví dụ như: - Bản đồ định vị GPS - Quyền sở hữu đất - Đếm cây và mật độ
G.A.3	Vườn cây được canh tác trên đất được phân loại là đất nông nghiệp và/hoặc đã được phê duyệt sử dụng cho nông nghiệp.	G+M					Biết được quy hoạch chung đất của địa phương và quy hoạch phát triển đối với các địa điểm nông nghiệp mới.
Lưu giữ hồ sơ							
G.A.4	Tất cả các hồ sơ và tài liệu liên quan đến chứng nhận UTZ có thể truy cập và lưu giữ trong thời gian tối thiểu 3 năm từ khi được thu thập, trừ khi luật pháp yêu cầu lưu lâu hơn.	G					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Hệ thống quản lý nội bộ (IMS)							
Người có trách nhiệm							
G.A.5	Có danh sách trích ngang tổng quan, chính xác và cập nhật đầy đủ các nhân viên nhóm. Danh sách này được lưu lại..	G					<p>Đối với nhân viên lâu dài, danh sách bao gồm tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên, - Giới tính, - Ngày sinh hoặc tuổi, - Ngày vào và thời hạn hợp đồng, - Lương. <p>Đối với nhân viên tạm thời, danh sách bao gồm ít nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên, - Giới tính, - Ngày sinh hoặc tuổi, - Số ngày làm việc, và - Lương.
G.A.6	Có sơ đồ tổ chức chỉ rõ tất cả các cá nhân trong hệ thống quản lý nội bộ (IMS) và vai trò của họ, bao gồm tất cả những người chịu trách nhiệm được bổ nhiệm trong điểm kiểm soát G.A.7.	G					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.7	<p>Bổ nhiệm cá nhân hoặc một nhóm người (ban) chịu trách nhiệm về các phần sau:</p> <p>Phần A) Quản lý Phần B) Thực hành canh tác Phần C) Điều kiện làm việc Phần D) Môi trường</p> <p>(Các) cá nhân hoặc ủy ban chịu trách nhiệm có năng lực, có kiến thức về các chủ đề và các thành viên nhóm và nhân viên nhóm có thể tiếp cận họ.</p>	G					<p>Cá nhân hoặc ban được bổ nhiệm chịu trách nhiệm về các chủ đề sau. Mỗi người hoặc ban có thể chịu trách nhiệm về một số các chủ đề.</p> <p>Phần A) Quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý IMS - Truy nguyên, nhận dạng và tách biệt sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất và chế biến - Đào tạo - Xử lý các câu hỏi, ý kiến, khiếu nại, xử phạt và kháng cáo - Quyền và cơ hội bình đẳng đối với phụ nữ <p>Phần B) Canh tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và thực hiện các Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), bao gồm các thực hành thu hoạch và chế biến sau thu hoạch - An toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm <p>Phần C) Điều kiện làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lao động - Lao động trẻ em - Các thực hành an toàn và sức khỏe bao gồm thời gian tái tiếp cận, sử dụng máy móc và thuốc BVTV - Thủ tục sơ cấp cứu và cấp cứu <p>Phần D) Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường <p>Việc chứng minh năng lực có thể thông qua bằng cấp chính thức, và/hoặc chứng chỉ tham dự các khóa đào tạo/tập huấn, và hoặc kinh nghiệm được chứng minh.</p> <p>Người quản lý hiểu biết được về các yêu cầu của UTZ, quá trình chứng nhận và cải tiến.</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Xác định thành viên và thỏa thuận							
G.A.8	Danh sách các thành viên nhóm được lưu giữ và cập nhật thường xuyên.	G					<p>Mỗi thành viên nhóm, Danh sách trong Năm 1 gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, giới tính, địa chỉ, và số điện thoại, - Tên, giới tính, địa chỉ và số điện thoại của chủ trang trại (nếu người làm khác với thành viên nhóm ví dụ: Người thuê đất), - Mã số xác định thành viên duy nhất, - Mã số trang trại của chính phủ (nếu có) - Sản lượng (thu hoạch của năm trước và dự kiến năm hiện tại), - Tình trạng chứng nhận UTZ và năm đầu tiên của chứng nhận UTZ, - Số lao động thường xuyên (quanh năm) trên mùa vụ, - Thời gian thanh tra nội bộ, - Tham gia các chương trình chứng nhận khác, nếu có. <p>Từ Năm 2 trở đi, danh sách bổ sung thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng diện tích trang trại, - Số lô và diện tích được chứng nhận, và - Tổng sản lượng giao cho nhóm trong mỗi năm từ khi chứng nhận.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.9	<p>Ký kết thỏa thuận giữa nhóm và mỗi thành viên nhóm, có quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Mỗi thành viên nhóm hiểu được thỏa thuận. Thỏa thuận được lưu giữ tại trung tâm và một bản sao gửi lại cho mỗi thành viên nhóm.</p> <p>Những người thuê đất có một thỏa thuận hoặc bằng văn bản hoặc bằng lời nói có người làm chứng, với chủ đất được công nhận. Thỏa thuận bao gồm ít nhất các quyền và nghĩa vụ của hai bên chẳng hạn như số lần thanh toán.</p>	G					<p>Thỏa thuận với các thành viên nhóm bao gồm ít nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa vụ của thành viên nhóm phải tuân thủ với Bộ nguyên tắc, - Nghĩa vụ của thành viên nhóm phải chấp nhận cả các cuộc thanh tra nội bộ và thanh tra độc lập bên ngoài và xử phạt, - Một sự đảm bảo của thành viên nhóm rằng bất kỳ sản phẩm được bán là sản phẩm chứng nhận phải xuất xứ từ trang trại được chứng nhận, - Quyền của thành viên nhóm nhận được một bản sao các tài liệu và hồ sơ theo yêu cầu và, - Quyền của mỗi bên để chấm dứt thỏa thuận. <p>Hệ thống quản lý nội bộ (IMS) có thủ tục để xử lý các trường hợp thành viên nhóm không đáp ứng bất kỳ nghĩa vụ trong thỏa thuận. Các lỗi như vậy được báo lại với đánh giá viên độc lập bên ngoài.</p>
G.A.10	<p>Sản lượng của các thành viên nhóm được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp đáng tin cậy. Được ghi chép lại và cập nhật hàng năm.</p>	G					<p>Phương pháp đáng tin cậy xem xét, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng thu hoạch của những năm trước - Mật độ/số cây, - Tuổi - Sử dụng đầu vào - Sâu bệnh hại - Giống trồng - Chất lượng đất - Vị trí địa lý - Khí hậu

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Thanh tra nội bộ và thủ tục tự đánh giá							
G.A.11	Hệ thống thanh tra nội bộ được tổ chức thực hiện với tất cả các thành viên nhóm trên cơ sở yêu cầu Bộ nguyên tắc làm cơ sở để thanh tra chính thức. Kết quả thanh tra nội bộ được ghi nhận trong báo cáo.	G					<p>Thanh tra nội bộ được thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với tất cả các thành viên nhóm trước khi mời thanh tra độc lập đến thanh tra đợt đầu tiên. - Với những người mới tham gia trước khi họ được đưa vào để tham gia. <p>Thanh tra nội bộ được tiến hành hàng năm.</p> <p>Báo cáo thanh tra nội bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thành viên nhóm được xác định, các địa điểm sản xuất, sản lượng (thu hoạch của năm trước và ước tính của năm hiện tại), và chữ ký hoặc dấu vân tay của thành viên nhóm, - Ngày thanh tra - Tên của thanh tra viên, - Xác minh các vấn đề quan trọng liên quan đến cây trồng, như là lao động trẻ em, áp dụng các thực hành để đạt năng suất tối ưu, ... - Các điểm không phù hợp đã tìm thấy và thực hiện các hành động khắc phục, - Năm chứng nhận , - Tình trạng chứng nhận. <p>Nếu có tư vấn trong quá trình thanh tra nội bộ, nội dung được ghi trong báo cáo thanh tra nội bộ. Có sự tách biệt giữa quá trình thanh tra nội bộ và tư vấn được cung cấp trong quá trình thanh tra nội bộ nhằm tránh không có mâu thuẫn giữa hai mục tiêu hoạt động.</p>
G.A.12	Tự đánh giá được thực hiện để kiểm tra sự tuân thủ của nhóm, các nhà thầu phụ với Bộ nguyên tắc. Biên bản tự đánh giá luôn sẵn sàng để báo cáo cho đánh giá viên độc lập.	G					Tự đánh giá được thực hiện hàng năm đối với các điểm kiểm soát áp dụng của Bộ nguyên tắc và Mô đun cây trồng cụ thể, sử dụng danh mục kiểm tra Bộ nguyên tắc và Mô đun. Hệ thống quản lý nội bộ (IMS) phải có trách nhiệm

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
							đảm bảo sự tuân thủ của các nhà thầu phụ.
G.A.13	Khai báo xung đột lợi ích được ký bởi tất cả các nhân viên IMS.	G					Bản khai báo chỉ rõ: - Các nhân viên IMS không được thanh tra hoặc phê duyệt các thành viên nhóm có xung đột lợi ích, và - Nghĩa vụ phải thông báo cho nhóm bất kỳ thành viên nhóm mà họ có xung đột lợi ích.
G.A.14	Có hệ thống phê duyệt và xử phạt được đưa ra để đảm bảo sự tuân thủ của mỗi thành viên nhóm.	G					Hệ thống bao gồm: - Một người quản lý hoặc ban phê duyệt và xử phạt, - Một cơ chế giám sát về các biện pháp cải tiến và khắc phục của các thành viên nhóm, - Một quyết định về tình trạng chứng nhận của thành viên nhóm được lưu tài liệu, được ký kết và được đưa vào trong báo cáo thanh tra nội bộ cuối cùng.
G.A.15	Thành viên nhóm có quyền khiếu nại bất kỳ các quyết định phê duyệt và xử phạt không hợp lý của người quản lý hoặc ủy ban.	G+M					
Quản lý rủi ro và kế hoạch quản lý							
G.A.16	Có đánh giá rủi ro được thực hiện để xác định các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình sản xuất và chế biến liên quan đến: Phần A) Quản lý Phần B) Thực hành canh tác Phần C) Điều kiện làm việc Phần D) Môi trường	G					Việc đánh giá rủi ro được xem xét, duy trì cập nhật hàng năm. Đánh giá rủi ro xem lại hướng dẫn đánh giá rủi ro của UTZ.
G.A.17	Kế hoạch quản lý nhóm trong 3 năm được xây dựng bao gồm các hành động để giải quyết tất cả các vấn đề liên quan từ kết quả đánh giá rủi ro. Các hành động được thực hiện và ghi chép lại.	G					Kế hoạch quản lý nhóm được theo dõi và cập nhật hàng năm.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Đào tạo và nâng cao nhận thức							
G.A.18	<p>Việc đào tạo được thực hiện cho các nhân viên nhóm với tất cả các chủ đề mà họ chịu trách nhiệm thực hiện (được liệt kê trong G.A.7) trong các lĩnh vực sau:</p> <p>Phần A) Quản lý Phần B) Thực hành canh tác Phần C) Điều kiện làm việc Phần D) Môi trường</p> <p>Đào tạo nhân viên nhóm được thực hiện bởi người có đủ năng lực.</p> <p>Hồ sơ đào tạo được lưu lại cho mỗi khóa đào tạo. Các khóa đào tạo được theo dõi, đánh giá nhằm đảm bảo người được đào tạo hiểu và thực hiện các nội dung đã đào tạo.</p>	G					<p>Đào tạo đủ để đáp ứng nhu cầu của nhân viên nhóm. Đào tạo ít nhất một lần mỗi năm.</p> <p>Hồ sơ mỗi khóa đào tạo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian, - Chủ đề, - Tóm tắt, - Độ dài thời gian, và - Tên người đào tạo. <p>Danh sách tham dự bao gồm chữ ký/dấu vân tay và giới tính người tham gia.</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.19	<p>Đào tạo được thực hiện cho các thành viên nhóm và các chủ trang trại với tất cả các chủ đề liên quan đến họ trong các lĩnh vực sau:</p> <p>Phần A) Quản lý Phần B) Thực hành canh tác Phần C) Điều kiện làm việc Phần D) Môi trường</p> <p>Đào tạo được thực hiện bởi người có năng lực và bao gồm các bài thi hoặc kiểm tra nội dung đào tạo đã được hiểu. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ cho mỗi khóa đào tạo.</p>	G					<p>Đào tạo đủ về số lượng và thời gian để đáp ứng các nhu cầu của các thành viên nhóm. Đào tạo rõ ràng và dễ hiểu cho các thành viên nhóm.</p> <p>Ít nhất 2 chủ đề được đề cập mỗi năm trong một (các) khóa đào tạo. Đến cuối năm thứ 4, tất cả các chủ đề sau đây đã được đào tạo bởi những đào tạo viên nội bộ hoặc bên ngoài:</p> <p>Phần A) Quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truy nguyên <p>Phần B) Thực hành canh tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duy trì trang trại tốt và năng suất - Các biện pháp IPM và phương pháp tiếp cận - Đa dạng hóa cây trồng - Xử lý và sử dụng thuốc BTVT an toàn, bao gồm thời gian cách ly và thời gian tái tiếp cận - Các thực hành thu hoạch và sau thu hoạch - Chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm - Kỹ năng lưu giữ hồ sơ <p>Phần C) Điều kiện làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sức khỏe nghề nghiệp và an toàn <p>Phần D) Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ nguồn nước - Bảo vệ động thực vật - Biến đổi khí hậu - Quản lý chất thải <p>Năng lực của đào tạo viên được chứng minh bởi bằng cấp chuyên môn, và/hoặc các chứng chỉ tham dự các khóa tập huấn, và/hoặc kinh nghiệm.</p> <p>Hồ sơ mỗi khóa đào tạo bao gồm thời gian, chủ đề, tóm tắt, khoảng thời gian, tên người đào tạo. Danh sách tham dự bao gồm chữ ký tham gia/dấu vân tay và giới tính.</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.20	<p>Các hoạt động nâng cao nhận thức được tổ chức và ghi chép lại cho các thành viên nhóm, lao động của thành viên nhóm và gia đình họ để thông tin cho họ về:</p> <p>Phần C) Điều kiện làm việc</p>	G					<p>Ít nhất 2 chủ đề được đề cập mỗi năm. Vào cuối năm thứ 4 tất cả các chủ đề sau được đề cập bởi các đào tạo nội bộ và bên ngoài:</p> <p>Phần C) Điều kiện làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền của người lao động - Lao động trẻ em, bao gồm cả công việc nguy hiểm và buôn bán - Tầm quan trọng của giáo dục - Quyền và cơ hội bình đẳng cho phụ nữ - Quấy rối tình dục, phân chia giai cấp và phân biệt đối xử - Sức khỏe và an toàn bao gồm HIV/AIDS. Thời gian tái tiếp cận khi sử dụng thuốc và vệ sinh - Dinh dưỡng gia đình và các vấn đề khác để cải thiện sức khỏe chung - Các chủ đề liên quan khác.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.21	Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ tham gia đào tạo và các buổi sinh hoạt nâng cao nhận thức	G					<p>Phụ nữ được tham gia vào việc xác định và ưu tiên các biện pháp.</p> <p>Các biện pháp bao gồm như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin rõ ràng đến phụ nữ về các buổi đào tạo - Tổ chức các buổi đào tạo tại các thời điểm mà phụ nữ có thể tham dự - Chương trình đào tạo được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của phụ nữ
Truy nguyên							
G.A.22	Có tài liệu/hồ sơ chứng minh hành trình của sản phẩm từ nông hộ sản xuất được chứng nhận đến các điểm thu mua được chứng nhận (ví dụ: câu lạc bộ, nhóm, đại lý, nhà kho trung tâm), xuyên suốt cả quá trình chế biến và các giai đoạn xử lý được thực hiện bởi nhóm.	G+M					
G.A.23	Sản phẩm được chứng nhận UTZ bao gồm lượng hàng tồn kho từ những năm chứng nhận trước, được xác định trực quan và sản phẩm luôn luôn được lưu giữ tách biệt với các sản phẩm không được chứng nhận UTZ.	G+M					Hàng tồn kho là khối lượng thực tế còn lại của sản phẩm được chứng nhận UTZ đã được nhóm mua trong năm chứng nhận trước trừ đi số lượng sản phẩm này đã được nhóm bán trong năm đó.
G.A.24	Hồ sơ và các hóa đơn được lưu giữ để đảm bảo truy xuất nguồn gốc.	G					<p>Những hồ sơ này bao gồm các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những lần mua sản phẩm chứng nhận UTZ từ mỗi thành viên nhóm, - Những lần bán sản phẩm chứng nhận UTZ, - Những lần bán các sản phẩm chứng nhận khác, - Những lần bán sản phẩm thông thường (không chứng nhận), - Bất kỳ hàng tồn kho nào của những năm trước về sản phẩm chứng nhận UTZ, các chứng nhận khác và sản phẩm thông thường (không chứng nhận). <p>Các hóa đơn mua bán hàng và phiếu thanh toán chỉ rõ tình trạng chứng nhận UTZ của thành viên nhóm.</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.25	Tất cả các thông tin khai báo bán hàng và khai báo giao hàng của sản phẩm chứng nhận UTZ bao gồm giá thưởng, được ghi lại trong cổng thành viên (GIP). Hồ sơ được lưu giữ theo các khai báo bán hàng này với mã số giao dịch (ID) trong cổng thành viên (GIP)	G					Sản phẩm chỉ được bán như là hàng chứng nhận UTZ khi nhóm có chứng nhận nhận Bộ nguyên tắc còn hiệu lực.
Giá thưởng và tính minh bạch							
G.A.26	Phương án "Sử dụng Giá thưởng UTZ" được xây dựng và thông báo đến các thành viên nhóm. Giá thưởng UTZ mang lại lợi ích rõ ràng cho các thành viên nhóm bằng tiền mặt và/hoặc bằng hiện vật.	G					<p>Phương án: "Sử dụng Giá thưởng UTZ" và hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc chi tiêu quản lý nhóm (ví dụ: phí đánh giá), - Sản phẩm và dịch vụ đưa đến nhóm (ví dụ: tập huấn, kho lưu giữ), và - Giá thưởng cho thành viên nhóm: Bằng tiền mặt hoặc hiện vật. <p>Hồ sơ được lưu giữ cập nhật.</p>
G.A.27	Giá thưởng thành viên nhóm được trả một cách kịp thời và thuận tiện. Giá, giá thưởng, và thời hạn thanh toán giá thưởng được thông báo rõ ràng và minh bạch cho các thành viên nhóm.	G					Thông tin về giá và giá thưởng được ghi lại.
G.A.28	<p>Có một thủ tục về khiếu nại và xử lý khiếu nại. Các đối tượng sau có thể tiếp cận thủ tục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên nhóm, - Các thành viên nhóm, - Người lao động của thành viên nhóm - Những người mua và cung ứng, - Bất kỳ ai muốn gửi đơn khiếu nại liên quan đến các vấn đề tuân thủ Bộ nguyên tắc. <p>Nhân viên nhóm và các thành viên nhóm được thông báo về thủ tục khiếu nại tại thời điểm thuê/tham gia nhóm.</p>	G					<p>Thủ tục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép khiếu nại được gửi nặc danh, - Giải quyết khiếu nại rõ ràng và kịp thời, - Đảm bảo người gửi đơn không bị phạt vì gửi khiếu nại, - Không can thiệp vào khiếu nại đã được công nhận hoặc phản nản các thể chế khác (ví dụ: tư pháp, thỏa ước lao động tập thể). <p>Các khiếu nại và các hành động khắc phục được ghi chép lại đầy đủ.</p> <p>Hồ sơ khiếu nại từ chính phủ trong trường hợp (bị cáo buộc) vi phạm được lưu giữ sẵn sàng cho đánh giá.</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.A.29	Các công cụ sử dụng để xác định trọng lượng hoặc khối lượng của sản phẩm thu hoạch được hiệu chuẩn ít nhất một lần một năm. Các biện pháp được thực hiện để ngăn chặn những thay đổi không mong muốn.	G					<p>Việc hiệu chuẩn có thể được thực hiện bởi những người bên ngoài, phù hợp với thực tế và quy định quốc gia. Thiết bị tiên tiến hơn như cân điện tử được hiệu chuẩn bởi kỹ thuật viên chuyên ngành.</p> <p>Tên người hoặc tổ chức thực hiện hiệu chuẩn và ngày được ghi chép lại.</p>
Tối ưu sản lượng							
G.A.30	Cần tham khảo ý kiến các bên cung cấp dịch vụ để được tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ Thực hành Nông nghiệp tốt (GAP). Các dịch vụ này luôn sẵn sàng cho các thành viên nhóm.	G					<p>Các yêu cầu để nhận tư vấn có thể chứng minh được, kể cả trong trường hợp đó các dịch vụ hoặc hỗ trợ có thể không được cung cấp.</p> <p>Nếu khả quan và có ý nghĩa, thiết lập mối quan hệ chính thức với cơ quan khuyến nông địa phương.</p> <p>Nhóm cũng có thể dựa vào kiến thức nội bộ nếu đáp ứng nhu cầu của nhóm.</p>
G.A.31	Hệ thống quản lý nội bộ (IMS) xác định được các rào cản cũng như các biện pháp khả thi cho các thành viên nhóm để tối ưu hóa năng suất của họ.	G					<p>Để xác định và ưu tiên các biện pháp khả thi, các điểm sau đây được xem xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí, - Khả năng tăng năng suất - Sự sẵn sàng của các vật tư đầu vào (ví dụ: lao động, thiết bị, kiến thức, thuốc BVTV, ...)
G.A.32	Hệ thống quản lý nội bộ (IMS) hỗ trợ và điều phối thực hiện các biện pháp ưu tiên để tối ưu hóa năng suất của thành viên nhóm.	G					Việc thực hiện được ghi chép lại.
G.A.33	IMS tạo điều kiện cho các thành viên nhóm tiếp cận (có thể tốn chi phí) các đầu vào nông nghiệp cần thiết liên quan đến các giai đoạn trong chu kỳ sản xuất.	G					IMS có thể chứng minh năng lực để sẵn sàng cung cấp đầu vào nông nghiệp, như giống trồng, công cụ, phân bón, thuốc BVTV (gồm cả các vật liệu nhân giống).

PHẦN B - THỰC HÀNH CANH TÁC

Các nguyên tắc:

- Trang trại đạt năng suất tối ưu.
- Chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của ngành công nghiệp
- Thực hiện quản lý dịch hại tổng hợp
- Giảm thiểu sử dụng thuốc BTVT nguy hại cao
- Các thành viên nhóm:
 - Cải thiện hoặc duy trì chất lượng đất trên trang trại của họ,
 - Sử dụng vật tư đầu vào nông nghiệp có trách nhiệm và hiệu quả,
 - Sử dụng nước hiệu quả

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Giống trồng và vườn ươm							
G.B.34	Giống sử dụng để trồng mới phải phù hợp (bao gồm cả việc nhân giống). Nhóm cung cấp giống trồng phù hợp cho các thành viên nhóm, hoặc xác định được đơn vị hoặc cá nhân cung cấp.	G+M					Giống phù hợp: - Năng suất dự kiến, - Chống chịu sâu bệnh, hạn hán, - Yêu cầu đầu vào, - Chất lượng sản phẩm, - Thích ứng với các điều kiện địa phương, địa lý, sinh thái, nông học. Danh sách các điểm cung cấp sẵn sàng và cập nhật. Trong trường hợp không có điểm cung cấp giống trồng thích hợp có sẵn, cần có các biện pháp thực hiện để thiết lập vườn ươm tại chỗ.
G.B.35	Giống trồng lấy từ vườn ươm không có dấu hiệu sâu bệnh.	G+M					Chứng minh được khi cây trồng có dấu hiệu gây hại từ sâu bệnh.
G.B.36	Có các biện pháp để cải thiện sức khỏe cây trồng trong vườn ươm. Hồ sơ được lưu giữ và thể hiện nguồn gốc của các phương pháp xử lý đất vườn ươm và sử dụng thuốc BTVT (bao gồm khử trùng).	G+M					Các biện pháp bao gồm việc giám sát và kiểm soát sâu bệnh gây hại đến hệ rễ. Hồ sơ bao gồm: - Ngày áp dụng - Tên thương hiệu sản phẩm - Số lượng hoặc thể tích áp dụng (trên ha, lô, cây trồng, ...). Trong trường hợp các thành viên nhóm không biết chữ, việc nói tên hoặc đưa ra nhãn sản phẩm đã dùng và nêu được khoảng thời gian hay thời điểm sử dụng và số lượng sử dụng là đủ để đáp ứng yêu cầu của kiểm kiểm soát.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.B.37	Đối với tất cả các giống trồng, hồ sơ và chứng chỉ nêu tình trạng giống, số lô, tên của nhà cung cấp được lưu giữ.	G+M					Điều này áp dụng cho tất cả các giống trồng nhận được sau khi tham gia chương trình chứng nhận UTZ. Trong trường hợp các thành viên nhóm không biết chữ, việc nói tên giống và tên nhà cung cấp và/hoặc đưa ra bao bì/nhãn mác có thông tin về giống trồng là đủ để đáp ứng yêu cầu của kiểm kiểm soát.
G.B.38	Việc sử dụng bất kỳ cây biến đổi gen làm giống trồng cho mùa vụ (bao gồm các lô thử nghiệm) đều được thông báo cho UTZ và người mua.	G					Việc trồng cây biến đổi gen được ghi chép lại. Văn bản ghi nhận của việc thông báo với UTZ và người mua luôn có sẵn để cho đánh giá viên độc lập xem xét. Điều này chỉ áp dụng đối với các sản phẩm UTZ.
Duy trì trang trại							
G.B.39	Việc trồng mới theo một mô hình thích hợp để đảm bảo hệ thống canh tác được thiết lập tốt.	M					Một mô hình trồng thích hợp xem xét các vấn đề như: - Các yêu cầu về giống - Các điều kiện địa lý, sinh thái, và nông học. - Đa dạng hóa và xen canh - Mật độ trồng
G.B.40	Cắt tỉa, loại bỏ cành/chồi vô hiệu và các bộ phận bị nhiễm bệnh được thực hiện thường xuyên để có được bộ tán cây tối ưu và cây sinh trưởng tốt.	M					Khử trùng/xử lý dụng cụ khi có nguy cơ lây nhiễm bệnh.
G.B.41	Kiểm soát cỏ dại để tối ưu việc hấp thụ dinh dưỡng và nước hiệu quả của cây trồng.	M					Ưu tiên các biện pháp kiểm soát cỏ dại không hóa chất.
G.B.42	Cưa đốn, ghép và trồng lại được thực hiện trên các vườn cây năng suất thấp và kém hiệu quả để nâng cao năng suất.	M					
Đa dạng hóa							
G.B.43	Sự đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp hoặc các nguồn thu nhập khác được khuyến khích và thực hành để thích ứng với thị trường và/hoặc biến đổi khí hậu.	G+M					Sự đa dạng hóa được xem như xen canh, thiết lập vườn nhà với các loại cây trồng có thu nhập cao, hoặc bất cứ loại hình khác của sự đa dạng hóa.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Quản lý độ phì đất							
G.B.44	Sử dụng các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn sự xói mòn đất. Đất được che phủ (ví dụ: trồng cây phủ đất, lớp phủ, ...) khi thanh lý và/hoặc trồng lại.	M					Không dùng lửa để đốt sạch tàn dư thực vật khi chuẩn bị đồng ruộng.
G.B.45	Tình trạng phì nhiêu và dinh dưỡng đất được giám sát hàng năm.	G+M					Giám sát có thể dựa trên bản đồ đất, phân tích đất và/hoặc lá hoặc các triệu chứng biểu hiện thiếu dinh dưỡng của cây trồng.
G.B.46	Các biện pháp đưa ra để cải thiện độ phì nhiêu đất dựa theo nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng, bao gồm việc bù đắp lại các chất dinh dưỡng bị lấy đi từ vụ thu hoạch. Phân bón (hữu cơ và vô cơ) được sử dụng một cách có hiệu quả để cây trồng hấp thu tối đa.	M					Các biện pháp để cải thiện độ phì nhiêu đất bao gồm: - Trồng các loại cây cố định đạm - Các thực hành nông lâm kết hợp - Ủ phân hữu cơ để sử dụng - Áp dụng phân vô cơ Các biện pháp để khắc phục độ pH thấp được thực hiện khi có thể. Nếu độ pH đất thấp, tránh sử dụng các phân bón đạm có độ axit cao hoặc sử dụng kết hợp với vôi. Sử dụng phân bón hiệu quả cần xem xét liều lượng quy định, khoảng thời gian hoặc thời gian áp dụng và đặc tính giải phóng.
G.B.47	Phân hữu cơ và các phụ phẩm có sẵn tại trang trại được ưu tiên sử dụng và bổ sung phân vô cơ nếu dinh dưỡng vẫn còn thiếu.	M					Nguy cơ cây trồng lây bệnh thông qua phân bón hữu cơ và các phụ phẩm cần được tính đến.
G.B.48	Chất thải, cặn và nước thải của con người không được sử dụng cho các hoạt động sản xuất và chế biến.	G+M					
G.B.49	Phân động vật sử dụng làm phân bón được lưu giữ cách nguồn nước ít nhất 25 mét. Việc ủ hoai là cần thiết để giảm thiểu rủi ro.	M					Điều kiện bảo quản tránh gây tác động đến môi trường, lây truyền bệnh và ô nhiễm kim loại nặng.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Quản lý sâu bệnh							
G.B.50	Các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) được thực hiện và ghi chép lại.	G+M					<p>Các biện pháp IPM được áp dụng theo trình tự:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phòng ngừa bằng cách thực hiện các thực hành nông nghiệp tốt. 2. Giám sát tình trạng sâu bệnh (ví dụ: sử dụng bẫy côn trùng) 3. Áp dụng ở mức độ cho phép 4. Sử dụng thay thế các thuốc phi hóa học như là các thực hành trồng trọt và cơ học hoặc sử dụng kiểm soát sinh học (ví dụ: thiên địch) 5. Sử dụng thuốc BVTV từ thiên nhiên (ví dụ: chiết xuất từ cây xoan) 6. Áp dụng thuốc BVTV tại chỗ có độc tính thấp nhất có thể đối với con người, thực vật và động vật 7. Sử dụng thuốc BVTV khác như là một lựa chọn cuối cùng 8. Chiến lược thay đổi thuốc BVTV để tránh sâu bệnh kháng thuốc (ví dụ: xen kẽ sử dụng các dòng thuốc BVTV) 9. Sử dụng thuốc diệt cỏ có chọn lọc.
G.B.51	<p>Thuốc trong Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng của UTZ không được sử dụng cho bất kỳ giai đoạn sản xuất nào hoặc lưu giữ để sử dụng trên cây trồng được chứng nhận.</p> <p>Các loại thuốc BVTV được liệt kê vào Danh mục thuốc BVTV hạn chế sử dụng của UTZ chỉ có thể được sử dụng nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các biện pháp IPM đã được áp dụng - Giải pháp thay thế thuốc BVTV nguy hại thấp hơn là không sẵn có - Các khuyến nghị cụ thể được đi kèm nhằm giảm bớt hoặc giảm thiểu nguy cơ liên quan đến tính nguy hại của sản phẩm đó. 	G+M					Có một hệ thống giám sát việc sử dụng thuốc BVTV đã liệt kê trong danh mục thuốc BVTV hạn chế sử dụng.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.B.52	Thuốc BVTV được sử dụng và lưu kho để dùng cho cây trồng được chứng nhận chỉ khi đã được đăng ký chính thức và được sử dụng trên cây trồng ở nước sở tại.	G+M					Thuốc BVTV cũng có thể được sử dụng và lưu kho nếu được chấp thuận của cơ quan nghiên cứu nông nghiệp hoặc ủy ban điều phối quốc gia về cây trồng đó.
Ghi chép việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón							
G.B.53	Có danh sách cập nhật đầy đủ phân bón và thuốc BVTV mà các thành viên nhóm có thể sử dụng và lưu kho.	G					<p>Danh mục thuốc BVTV bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thương mại và các hoạt chất, - Thiết bị bảo hộ và việc đào tạo cần thiết để sử dụng các sản phẩm, - Thời gian cách ly, và - Thời gian tái tiếp cận <p>Nếu danh mục thuốc BVTV có chứa các thuốc BVTV nằm trong Danh mục thuốc BVTV hạn chế sử dụng thì danh mục cũng phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu tượng để cảnh báo các thành viên nhóm về các rủi ro mà các sản phẩm này gây ra - Xem xét các vấn đề khác để sử dụng thích hợp
G.B.54	Phải lưu lại hồ sơ tất cả các lần sử dụng phân bón vô cơ và thuốc BVTV.	G+M					<p>Hồ sơ bao gồm ít nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thương mại của sản phẩm, - Ngày áp dụng, và - Lượng sử dụng. <p>IMS tạo điều kiện lưu giữ hồ sơ cho các thành viên nhóm khi cần thiết (ví dụ: cung cấp lịch áp dụng).</p> <p>Trong trường hợp các thành viên nhóm không biết chữ, việc nói tên sản phẩm đã sử dụng và/hoặc đưa ra nhãn sản phẩm và biết khoảng thời gian hay thời điểm và lượng đã sử dụng là đủ để đáp ứng yêu cầu của kiểm soát.</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Phương pháp và thiết bị sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón							
G.B.55	Chỉ những người được đào tạo đầy đủ mới được xử lý hoặc sử dụng thuốc BVTV độc hại.	G+M					
G.B.56	Thuốc BVTV và phân bón lỏng được chuẩn bị, pha trộn và sử dụng theo các hướng dẫn trên nhãn mác Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất, xem xét liều lượng quy định, giai đoạn, thời gian và khoảng cách giữa các lần sử dụng.	G+M					Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất có thể có được từ các cơ quan chính phủ hoặc các nhà cung cấp. Ngoài ra, tư vấn kỹ thuật được đưa ra bởi cơ quan nghiên cứu nông nghiệp hoặc ủy ban quốc gia đối với cây trồng cũng có thể được áp dụng. Tư vấn bổ sung này được ghi chép lại.
G.B.57	Hỗn hợp thuốc BVTV và phân bón lỏng dư thừa sau khi sử dụng hoặc các bể chứa nước rửa được xử lý theo cách giảm thiểu tác động tiêu cực đến con người và môi trường.	G+M					Lượng hỗn hợp thừa được sử dụng lại cho cây chưa được phun hoặc trên vùng đất trống bỏ hoang cách xa nguồn nước (khoảng cách theo quy định ở G.D.107).
G.B.58	Khuyến cáo thời gian tái tiếp cận cho tất cả thuốc BVTV đã sử dụng được để nơi dễ quan sát và được tuân thủ.	G+M					Dấu hiệu cảnh báo trên trang trại hoặc các biện pháp được đưa ra để đảm bảo thời gian tái tiếp cận được tuân thủ.
G.B.59	Khuyến cáo thời gian cách ly cho tất cả thuốc BVTV đã sử dụng được để nơi dễ quan sát và được tuân thủ.	G+M					Có thủ tục để đảm bảo rằng thời gian cách ly khuyến cáo được mọi người tuân thủ.
G.B.60	Tất cả thiết bị sử dụng phân bón và thuốc BVTV được duy trì trong điều kiện tốt để đảm bảo vận hành chính xác.	G+M					Thiết bị được kiểm tra để hoạt động chính xác và được hiệu chỉnh nếu cần thiết ít nhất một năm một lần bởi người đã được đào tạo (nội bộ hoặc bên ngoài). Vòi phun được điều chỉnh để việc phun có hiệu quả. Việc kiểm tra và hiệu chuẩn thiết bị được ghi chép lại.
Bao bì chai lọ rỗng và thuốc bảo vệ thực vật quá hạn							
G.B.61	Bao bì chai lọ rỗng được súc rửa 3 lần với nước. Nước rửa được xử lý đúng cách hoặc đổ lại vào bình phun, và các chai lọ rỗng được đậy nắp.	G+M					Bao bì chai lọ rỗng thuốc BVTV không được sử dụng lại bất kỳ mục đích gì, bao gồm việc đựng thực phẩm, nước, thức ăn chăn nuôi hoặc nhiên liệu.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.B.62	Bao bì chai lọ rỗng và thuốc BTVT quá hạn được xử lý bởi hệ thống thu gom, trả lại và/hoặc loại bỏ (bởi chính phủ hoặc nhà cung cấp). Bao bì chai lọ, bình chứa được lưu giữ, ghi nhãn và xử lý thích hợp và an toàn cho đến khi chúng được thu gom.	G+M					<p>Khi không có hệ thống thu gom, trả lại và/hoặc xử lý có sẵn hoặc không tiếp cận được thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bao bì chai lọ rỗng được xử lý theo cách giảm thiểu tiếp xúc với con người, môi trường và thực phẩm; - Thuốc quá hạn được lưu giữ nơi an toàn hoặc xử lý theo cách giảm thiểu tiếp xúc với con người, môi trường và thực phẩm.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Thuốc bảo vệ thực vật và phân bón lưu kho, xử lý và pha trộn.							
G.B.63	Thuốc BVTV và phân bón vô cơ được lưu kho: - Theo hướng dẫn trên nhãn mác, - Trong bao bì nguyên gốc, - Chỉ rõ sử dụng cho cây trồng gì, - Theo cách tránh bị rò rỉ (ví dụ: chất lỏng được để ở tầng/ngăn thấp hơn hoặc được lưu giữ tách biệt), - An toàn tại nơi không có trẻ em vào (ví dụ: có khóa), - Cách xa sản phẩm thu hoạch, dụng cụ, vật liệu đóng gói và thực phẩm.	G+M					Khi xử lý, pha trộn hoặc lưu giữ, nguy hiểm tiềm ẩn đến con người, thực phẩm, môi trường và nguồn nước được giảm thiểu. Phân bón được lưu giữ cách xa thuốc BVTV. Khu vực lưu giữ an toàn và chỉ những người có trách nhiệm và được đào tạo mới được tiếp cận.
G.B.64	Các cơ sở xử lý, pha trộn và lưu giữ phân bón vô cơ và thuốc BVTV phải: - Khô ráo sạch sẽ, - Thông thoáng và đầy đủ ánh sáng, - Kết cấu an toàn, - Trang bị các vật liệu không thấm nước. Nhà kho trung tâm và cơ sở pha trộn phải có: - Mái che và sàn không thấm nước, - Kệ làm bằng vật liệu không thấm nước và chống cháy, - Có hệ thống thu gom khi bị rò rỉ, - Có biển báo nguy hiểm rõ ràng, cố định đặt gần cửa ra vào, - Có một quy trình xử lý khẩn cấp, - Có nơi rửa mắt.	G+M					Kho lưu giữ được che chắn và có thể chứa 110% lượng thuốc lỏng đang được lưu kho. Vật liệu không thấm nước ví dụ như: túi nhựa, kính, hoặc kim loại. Quy trình khẩn cấp bao gồm: - Cách để đối phó khi bị rò rỉ (cát hoặc mùn cưa), - Các hướng dẫn cấp cứu tai nạn cơ bản và các số điện thoại liên lạc khẩn cấp hoặc radio (vô tuyến).
G.B.65	Phân bón vô cơ và thuốc BVTV được vận chuyển an toàn tránh bị rò rỉ.	G+M					
Tưới nước							
G.B.66	Nước tưới được sử dụng hiệu quả.	G+M					Tính toán nhu cầu sử dụng nước tưới hiệu quả trên cơ sở thời gian, thông tin lượng mưa (dự báo và lịch sử).

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.B.67	Phân tích chất lượng nước tưới. Thực hiện các hành động để xử lý các kết quả không đạt từ việc phân tích.	G					Nước thải chưa xử lý không được sử dụng để tưới tiêu. Nước thải đã xử lý chỉ có thể được sử dụng cho cây trồng nếu chất lượng đáp ứng với Hướng dẫn mới nhất của WHO cho việc sử dụng an toàn của nước thải và chất thải trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. (Phiên bản tiếng Anh có tại: http://www.who.int/water_sanitation_health/wastewater/gsuww/en/).
G.B.68	Nước tưới được lấy từ nguồn bền vững.	G+M					Nguồn nước bền vững có thể là nước mưa được giữ lại hoặc nước đã được tái chế/xử lý.
G.B.69	Thực hiện các thực hành để thích ứng với việc khan hiếm nước như là dự trữ nước mưa...	G+M					
Thu hoạch và sau thu hoạch							
G.B.70	Sản phẩm được thu hoạch tại thời điểm thích hợp và sử dụng phương pháp tốt nhất để tối ưu hóa chất lượng và sức khỏe cây trồng.	M					
G.B.71	Thiết bị sử dụng để kiểm tra chất lượng (ví dụ, thiết bị đo độ lạnh hoặc đo độ ẩm) được bảo dưỡng trong điều kiện tốt để đảm bảo hoạt động đúng.	G					Thiết bị được hiệu chuẩn hàng năm bởi người được đào tạo (nội bộ hoặc bên ngoài), và được ghi chép lại.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.B.72	Cơ sở vật chất và trang thiết bị được vệ sinh sạch sẽ và được bảo dưỡng tốt để ngăn chặn nhiễm bẩn.	G+M					<p>Các cơ sở bao gồm các khu vực lưu giữ, xử lý và chế biến như là nhà kho và các điểm thu mua.</p> <p>Thiết bị bao gồm tối thiểu các thùng chứa thu hoạch, túi vận chuyển, xe vận chuyển sản phẩm thu hoạch, các dụng cụ và máy móc.</p> <p>Các biện pháp để ngăn ngừa nhiễm bẩn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông gió phù hợp - Vệ sinh dụng cụ thường xuyên - Kiểm soát loài gây hại (ví dụ: bầy)
G.B.73	Các thực hành tốt cho việc lưu giữ, xử lý và chế biến được đưa ra có tính đến việc đánh giá rủi ro. Nhân viên nhóm và các thành viên nhóm được thông báo về các thực hành liên quan đến họ.	G+M					<p>Các thực hành tốt bao gồm như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu giữ sản phẩm ở nơi sạch sẽ (ví dụ: cách mặt đất và xa tường) - Chỉ định các khu vực cho hút thuốc lá, ăn uống, hoặc bất kỳ hoạt động khác mà có nguy cơ gây rủi ro nhiễm bẩn đến sản phẩm. - Đảm bảo rằng các chất tẩy rửa, chất bôi trơn và các chất khác tiếp xúc với sản phẩm là những chất được quy định sử dụng cho thực phẩm.
G.B.74	Sản phẩm được đóng gói trong bao bì sạch, chắc chắn và được khâu lại hoặc được niêm phong đúng cách. Bao bì được sử dụng là những vật liệu không độc và không chứa dầu khoáng.	G					Các thông số kỹ thuật của vật liệu đóng gói luôn có sẵn.
G.B.75	Dựa trên đánh giá rủi ro, đưa ra cơ chế để tuân thủ mức dư lượng tối đa (MRLs) của các quốc gia đến nếu quốc gia này được biết đến.	G					<p>Cơ chế bao gồm như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục lấy mẫu để xác định mức dư lượng trên sản phẩm - Các hành động thực hiện trong trường hợp MRLs bị vượt quá - Thông báo cho người mua biết nếu MRLs bị vượt quá

PHẦN C - ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Các nguyên tắc:

- Nhóm:
 - Tuân thủ quyền của người lao động về tự do hiệp hội, giờ làm việc, lương và đối xử tôn trọng,
 - Không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em,
 - Khuyến khích việc học hành và biết chữ,
 - Đảm bảo điều kiện sức khỏe và an toàn lao động cho người lao động.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Quyền của người lao động							
Cưỡng bức lao động và lao động trẻ em							
G.C.76	<p>Không sử dụng người lao động không tự nguyện, lao động bị buôn bán, bị bắt buộc hay bị cưỡng bức tại bất cứ giai đoạn nào của sản xuất và chế biến tại cấp độ nhóm hoặc thành viên nhóm.</p> <p>Người lao động không bị yêu cầu nộp tiền đặt cọc, giấy tờ tùy thân, một phần tiền lương, tiền trợ cấp hoặc bị giữ lại tài sản thế chấp để bắt buộc người lao động phải ở lại nơi làm việc.</p> <p>Người lao động được tự do rời khỏi nơi làm sau khi đưa ra thông báo hợp lý.</p> <p>Vợ chồng, con cái của người lao động không bị bắt buộc làm việc, trừ khi có ký kết hợp đồng riêng và tự nguyện.</p>	G+M					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.C.77	<p>Các hình thức tồi tệ nhất của lao động trẻ em Trẻ dưới 18 tuổi không được làm, cho nhóm hay thành viên nhóm, công việc nguy hiểm hoặc bất kỳ công việc mà có ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần hoặc đạo đức của trẻ em. Trẻ em không phải mang vác nặng hoặc làm việc ở nơi nguy hiểm, trong những tình huống không lành mạnh, ban đêm, tiếp xúc với các chất hoặc thiết bị bị nguy hiểm. Trẻ em không bị tiếp xúc với bất kỳ hình thức lạm dụng và không có bằng chứng về buôn bán, ép buộc hoặc cưỡng bức lao động.</p> <p>Việc làm Trẻ dưới 15 tuổi không tham gia làm việc cho nhóm và các thành viên nhóm. Trong trường hợp luật quốc gia có quy định mức tuổi tối thiểu làm việc là 14 tuổi, thì độ tuổi này được áp dụng. Trẻ ở độ tuổi 13 - 14 tuổi có thể tham gia công việc nhẹ nhàng, miễn là công việc không có hại cho sức khỏe và phát triển của chúng, không cản trở việc học tập và đào tạo, trẻ em làm việc dưới sự giám sát của người lớn và không quá 14 giờ trong một tuần. Trong trường hợp luật quốc gia có quy định thấp hơn ở độ tuổi 12 - 13 tuổi thì độ tuổi này được áp dụng.</p> <p>Canh tác gia đình Trẻ sống trên các trang trại gia đình quy mô nhỏ có thể tham gia vào các hoạt động canh tác nhẹ nhàng, thích hợp với độ tuổi tạo cơ hội để phát triển các kỹ năng miễn là các hoạt động không gây hại đến sức khỏe và phát triển của trẻ, không cản trở việc học và thời gian giải trí, và dưới sự giám sát của người lớn.</p>	G+M					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.C.78	<p>Một đánh giá rủi ro được thực hiện dựa trên những rủi ro của lao động trẻ em trong số các thành viên nhóm.</p> <p>Nếu việc đánh giá rủi ro cho thấy có các rủi ro lao động trẻ em:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người liên lạc lao động trẻ em cộng đồng được chỉ định - Ghi chép các hoạt động đã thực hiện để ngăn chặn, theo dõi và khắc phục tình trạng lao động trẻ em 	G					Các hoạt động được dẫn dắt bởi người liên lạc lao động trẻ em. Kết nối các hoạt động với các sáng kiến công tư hiện có về lao động trẻ em.
Giáo dục							
G.C.79	Có các hành động được thực hiện để khuyến khích trẻ đến trường con của nhân viên nhóm, con của các thành viên nhóm và con của những người lao động cho thành viên nhóm.	G+M					<p>Các hành động như vậy được ghi chép lại.</p> <p>Có hỗ trợ cho cộng đồng địa phương để thành lập trường học khi ở đó không có trường học. Hỗ trợ như vậy được ghi chép lại.</p>
G.C.80	Có các hành động được thực hiện để hỗ trợ xây dựng kỹ năng viết và tính toán cho nhân viên nhóm, các thành viên nhóm và gia đình họ.	G					Các hành động như vậy được ghi chép lại.
Tự do hiệp hội và thương lượng tập thể							
G.C.81	<p>Nhân viên nhóm có thể tự do thành lập và tham gia các tổ chức của người lao động cả nội bộ (như là các đại diện của người lao động) và bên ngoài (như là tổ chức công đoàn), và tham gia vào thương lượng tập thể về điều kiện làm việc.</p> <p>Nếu nhà nước sở tại không có tổ chức công đoàn thì người lao động ít nhất có thể bầu cho mình người đại diện để thảo luận về điều kiện làm việc với người quản lý trang trại.</p>	G					<p>Hoạt động hiệu quả của các tổ chức như vậy không bị can thiệp với bất kỳ hình thức nào.</p> <p>Nhân viên nhóm được tự do bầu cử các đại diện của mình. Các đại diện có quyền tiếp cận được các thành viên của họ tại nơi làm việc.</p>
G.C.82	Nhân viên nhóm không bị bất kỳ sự trả thù, phân biệt đối xử hoặc các hậu quả tiêu cực nào nếu họ thành lập hoặc tham gia vào tổ chức của người lao động hoặc nếu họ tham gia vào thương lượng tập thể.	G					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.C.83	Nhân viên nhóm nhận được thông báo hiệu quả hoặc thư cá nhân hoặc một phổ biến chung về: - Quyền thành lập và tham gia vào tổ chức của người lao động, - Quyền tham gia vào thương lượng tập thể, - Được đảm bảo rằng họ sẽ không bị bất kỳ sự trả thù, phân biệt đối xử, hoặc các hậu quả tiêu cực nếu họ thực hiện bất kỳ những quyền này.	G					
Giờ làm việc							
G.C.84	Giờ làm việc thường xuyên của nhân viên nhóm không quá 48 giờ trên tuần. Họ có ít nhất một ngày nghỉ sau 6 ngày làm việc. Giờ làm việc của những người làm thuê nhóm không vượt quá 56 giờ trên tuần trung bình mỗi năm.	G					Nhân viên nhóm nhận được thông báo một cách hiệu quả về số giờ làm việc yêu cầu mỗi ngày (thu hoạch cao điểm hoặc không cao điểm). Ghi chép lại giờ làm việc của mỗi người lao động.
G.C.85	Nhân viên nhóm chỉ được phép làm thêm giờ nếu: - Được thông báo kịp thời, - Được trả lương theo luật pháp quốc gia hoặc thỏa ước lao động tập thể, - Không vượt quá 12 giờ trên tuần, - Không được yêu cầu thường xuyên.	G					
Lương và hợp đồng							
G.C.86	Nếu có thỏa ước lao động tập thể đã đưa ra, nhân viên nhóm và người lao động của thành viên nhóm phải nhận được ít nhất tiền lương hoặc lợi nhuận bằng hiện vật như đã thỏa thuận. Tại tất cả những lần nhận lương, nhân viên nhóm và người lao động của thành viên nhóm phải nhận được ít nhất là mức lương tối thiểu.	G+M					Điều này cũng áp dụng như nhau cho các nhân viên nhóm và người lao động của thành viên nhóm được trả lương trên cùng đơn vị hoặc kết quả (ví dụ: trên số lượng sản phẩm đã xử lý). Mức lương tối thiểu áp dụng là cao hơn mức lương tối thiểu của quốc gia hoặc của khu vực.
G.C.87	Nhân viên nhóm hoặc người lao động của thành viên nhóm không bị trừ lương vì vi phạm kỷ luật.	G+M					
G.C.88	Công việc của nhân viên nhóm và người lao động của thành viên nhóm như nhau được trả lương như nhau, không phân biệt về giới tính hoặc hình thức của lao động.	G+M					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.C.89	Nhân viên nhóm được nhận lương hàng tháng cùng với phiếu nhận lương. Lưu giữ hồ sơ trả lương.	G					Phiếu nhận lương và hồ sơ trả lương bao gồm ít nhất: - Khoảng thời gian, - Tổng lương, lương thực nhận và các lợi ích, - Các khoản khấu trừ bắt buộc (ví dụ: thuế và an sinh xã hội).
G.C.90	Nhân viên nhóm là người đang và đã làm trên 3 tháng phải có ký kết hợp đồng lao động.	G					Hợp đồng lao động bao gồm ít nhất: - Các điều kiện làm việc chung, - Tổng lương, lương thực nhận và các lợi ích, và - Các khoản khấu trừ bắt buộc (ví dụ: thuế và an sinh xã hội).
Phân biệt và đối xử tôn trọng							
G.C.91	Nhân viên nhóm không bị phân biệt lợi ích, phân biệt đối xử trong tuyển dụng, tiền thù lao, tiếp cận đào tạo, cơ hội, hoặc chấm dứt vì giới tính, chủng tộc, giai cấp, dân tộc, quốc tịch, màu da, hình thức (dài hạn, tạm thời, di cư), xu hướng tình dục, thành viên công đoàn, tình trạng hôn nhân, khuyết tật, tuổi tác, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc các hình thức khác.	G					
G.C.92	Nhân viên nhóm không bị nhục hình, quấy rối tình dục, áp bức, ép buộc hoặc bất kỳ hình thức lạm dụng khác về tinh thần hoặc thể chất hoặc bị đe dọa tại nơi làm việc.	G					
G.C.93	Nhân viên nhóm nhận được quyền và lợi ích thai sản theo quy định và thực hiện của luật pháp quốc gia. Họ được trở lại làm việc các công việc của họ sau khi nghỉ sinh theo chế độ hoặc các điều khoản và điều kiện tương tự, không bị phân biệt, giáng chức hoặc bị trừ lương.	G					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Sức khỏe và an toàn							
Sơ cứu và các tình huống khẩn cấp							
G.C.94	Nhân viên nhóm nhận được các dịch vụ cấp cứu và chăm sóc y tế khẩn cấp, miễn phí đối với việc điều trị các chấn thương liên quan đến công việc. Các hộp sơ cứu được đặt tại các địa điểm trung tâm của các khu vực sản xuất, chế biến và bảo trì.	G					Các dịch vụ sơ cứu cho nhân viên nhóm được cung cấp bởi một người đã được đào tạo. Việc đào tạo đã được thực hiện trong 5 năm qua và được ghi nhận bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ. Các hộp thuốc sơ cứu chứa các loại thuốc chưa hết hạn.
G.C.95	Thành viên nhóm và người lao động cho thành viên nhóm tiếp cận được sơ cấp cứu. Các hộp sơ cứu được đặt tại các địa điểm trung tâm của các khu vực sản xuất, chế biến và bảo trì.	G+M					Các hộp thuốc sơ cứu chứa các loại thuốc chưa hết hạn.
G.C.96	Có quy trình xử lý tai nạn khẩn cấp viết rõ ràng được ban hành. Quy trình này được treo trực quan tại những địa điểm trung tâm.	G					Thủ tục bao gồm ít nhất: - Tên những người liên lạc, - Các hành động thực hiện trong tình huống khẩn cấp, - Các địa điểm có phương tiện thông tin liên lạc (điện thoại, radio), - Danh sách cập nhật các số điện thoại khẩn cấp (cứu hỏa, cứu thương, cảnh sát ...). Quy trình sử dụng các biểu tượng, hình vẽ và ngôn ngữ phổ thông để người lao động dễ nhận biết.
G.C.97	Có các dấu hiệu cảnh báo rõ ràng và cố định tại các địa điểm trung tâm để chỉ rõ các mối nguy tiềm tàng. Các máy móc có các hướng dẫn rõ ràng về cách sử dụng an toàn và những bộ phận nguy hiểm được bảo vệ hoặc được bao bọc.	G					Các dấu hiệu cảnh báo và hướng dẫn an toàn được sử dụng các biểu tượng, hình vẽ và ngôn ngữ phổ thông để người lao động dễ nhận biết. Có thiết bị chữa cháy (ví dụ: bình chữa cháy, xô cát, mền bạt để dập lửa) tại các địa điểm trung tâm chế biến, bảo trì và hành chính.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Xử lý thuốc bảo vệ thực vật							
G.C.98	<p>Nhân viên nhóm, các thành viên nhóm và những người lao động của thành viên nhóm khi xử lý thuốc BVTV phải sử dụng thiết bị bảo hộ và quần áo bảo hộ theo quy định với loại thuốc được sử dụng và theo phương pháp sử dụng của loại thuốc đó.</p> <p>Thiết bị và quần áo bảo hộ luôn ở trong tình trạng tốt.</p> <p>Sau khi sử dụng, thiết bị và quần áo bảo hộ được giặt rửa sạch, phơi khô và cất giữ an toàn, cách xa thuốc BVTV và ở khu vực thông thoáng.</p>	G+M					<p>Thiết bị và quần áo bảo hộ bị hư hỏng không thể sửa chữa hoặc những loại chỉ sử dụng một lần được xử lý/hủy bỏ một cách an toàn.</p> <p>Có các biện pháp an toàn tại chỗ để tránh tiếp xúc với con người và ô nhiễm môi trường trong quá trình làm sạch các thiết bị và quần áo bảo hộ.</p>
G.C.99	Nhân viên nhóm, các thành viên nhóm và những người lao động thành viên nhóm dưới 18 tuổi, phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú không được sử dụng thuốc BVTV.	G+M					
G.C.100	Nhân viên nhóm (bao gồm nhóm được giao việc phun thuốc) những người xử lý thuốc BVTV thường xuyên phải được kiểm tra sức khỏe hàng năm.	G					Việc kiểm tra sức khỏe được ghi chép lại bao gồm kiểm tra Cholinesterase đối với những người sử dụng thuốc BVTV có gốc Lân hữu cơ và gốc Carbamate.
G.C.101	Nhân viên nhóm (bao gồm nhóm được giao việc phun thuốc) những người xử lý thuốc BVTV tiếp cận được nơi thay đồ và tắm rửa.	G					
Nước uống và vệ sinh							
G.C.102	Nhân viên nhóm, các thành viên nhóm và những người lao động tiếp cận được nước uống an toàn.	G+M					
G.C.103	Nhân viên nhóm nhận được các hướng dẫn về vệ sinh cơ bản. Các hướng dẫn vệ sinh được treo tại các địa điểm trung tâm.	G					Các địa điểm trung tâm bao gồm các khu vực sản xuất, chế biến, bảo trì, nơi rửa tay, nơi vệ sinh, khu vực sinh sống và ăn uống. Các hướng dẫn sử dụng các biểu tượng, hình vẽ và ngôn ngữ phổ thông của người lao động.
G.C.104	Có nhà vệ sinh và nơi rửa tay ở các địa điểm chế biến và bảo trì.	G					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.C.105	Khu vực ăn uống công cộng sạch sẽ, bảo trì tốt và tránh tối đa những loài gây hại.	G					Nếu cần thiết, đưa ra các biện pháp để tiêu diệt các loài gây hại. Các biện pháp như vậy được ghi chép lại. Việc đặt bẫy được đánh dấu rõ ràng vì lý do an toàn.

PHẦN D - MÔI TRƯỜNG

Các nguyên tắc

- Nhóm và các thành viên nhóm:
 - Sử dụng nước và năng lượng hiệu quả,
 - Ngăn ngừa ô nhiễm nước,
 - Bảo vệ và/hoặc khôi phục điều kiện sống tự nhiên,
 - Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên,
 - Bảo vệ đa dạng sinh học,
 - Quản lý chất thải trên trang trại đúng cách,
 - Có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Nước							
G.D.106	Phải để lại một vùng đệm thực vật rộng ít nhất 5m dọc theo bờ của các nguồn nước theo mùa hoặc thường xuyên để giảm thiểu xói mòn, hạn chế ô nhiễm từ thuốc BVTV, phân bón và bảo vệ môi trường sống các loài hoang dã. Nếu các trang trại nhỏ hơn 2ha thì vùng đệm giữ lại phải rộng 2m.	M					
G.D.107	Thuốc BVTV và phân bón vô cơ không được sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Trong vòng 5m cách nguồn nước thường xuyên hoặc theo mùa có bề mặt rộng dưới 3m (hoặc trong vòng 2m nếu trang trại dưới 2 ha), - Trong vòng 10m cách nguồn nước thường xuyên và theo mùa có bề mặt rộng trên 3m - Trong vòng 15m đối với suối. Việc chảy tràn phân hữu cơ được giảm thiểu.	G+M					Các hướng dẫn rõ ràng được đưa ra cho tất cả những người sử dụng phân bón và thuốc BVTV.
G.D.108	Có ghi chép lại các biện pháp sử dụng nước hiệu quả trong sản xuất và chế biến.	G					Các biện pháp sử dụng nước hiệu quả có xem xét tới các vấn đề như: <ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu nước (phụ thuộc vào nguồn cung cấp đơn lẻ, nguồn nước và tiếp cận của khu vực/cộng đồng, lượng mưa) - Các hoạt động thu hồi nước, xả nước và chảy tràn. - Giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. - Có cơ chế tích trữ nước thích hợp

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Bảo vệ thiên nhiên							
G.D.109	Không phá rừng hoặc làm suy thoái rừng nguyên sinh đang diễn ra hoặc đã xảy ra kể từ năm 2008.	M					
G.D.110	Không phá rừng hoặc làm suy thoái rừng thứ sinh, trừ khi: - Có quyền sử dụng đất hợp pháp và/hoặc được phép sở hữu đất và/hoặc quyền sử dụng đất thông thường, - Được chính quyền cho phép (nếu có).	M					
G.D.111	Không sản xuất hoặc chế biến trong vòng 2km của khu vực bảo tồn trừ khi được cho phép theo một kế hoạch quản lý của khu vực. Kế hoạch quản lý khu vực được thực thi.	G+M					<p>Kế hoạch quản lý phải được phê duyệt bởi một cơ quan quốc gia hoặc khu vực liên quan, bao gồm ít nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định ranh giới của các khu vực tiếp cận để sản xuất và chế biến và được thông báo đến các thành viên nhóm và lệnh cấm chuyển đổi, khai hoang đất bên ngoài của khu vực này, - Các hoạt động cụ thể để giảm thiểu hoặc đền bù cho các tác động đến môi trường, ví dụ như: trồng rừng, thông qua các thực hành nông lâm kết hợp, thiết lập các hành lang sinh học, - Xác định rõ vai trò giám sát và thực hiện kế hoạch và khung thời gian. <p>Nếu kế hoạch quản lý không có sẵn, thì IMS tham gia với chính quyền địa phương để xây dựng kế hoạch.</p>
G.D.112	Các loài bị đe dọa và nguy cơ tuyệt chủng trong khu vực sản xuất được xác định, thông báo cho các thành viên nhóm để bảo vệ.	G+M					Không săn bắn, mua bán hoặc sưu tập vì mục đích thương mại.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
G.D.113	Nhóm thúc đẩy đa dạng hóa sinh học bằng cách bảo vệ và nâng cao môi trường sống và hệ sinh thái.	G					Ví dụ : Trồng cây xanh và/hoặc hoa - Bảo vệ hành lang sinh học - Bảo vệ các khu vực bán tự nhiên (ví dụ: hàng rào, đồng cỏ...) Trồng cây che bóng/hệ thống đai rừng để thực hiện yêu cầu này.
Thích ứng biến đổi khí hậu							
G.D.114	Ghi chép lại các biện pháp được thực hiện để hỗ trợ các thành viên nhóm trong việc thích ứng với các tác động biến đổi khí hậu quan trọng đã được xác định trong đánh giá rủi ro.	G					Các biện pháp bao gồm như: - Sử dụng hiệu quả phân bón và thuốc BTVT - Trồng cây che bóng - Tập huấn về các thực hành thích ứng - Xây dựng các mô hình trình diễn - Xây dựng/lắp đặt các hệ thống tích trữ nước
Năng lượng							
G.D.115	Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong sản xuất và chế biến, và khi thích hợp thì các "nguồn năng lượng khí hậu thông minh" được sử dụng.	G					

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
Không khí							
G.D.116	Ghi chép lại các biện pháp đã được thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm không khí từ những nguồn đã được xác định trong đánh giá rủi ro.	G					Các biện pháp bao gồm: - Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (ví dụ như năng lượng mặt trời) cho hoạt động chế biến - Thường xuyên bảo dưỡng máy móc nông nghiệp - Không đốt các chất hữu cơ hoặc vô cơ
Chất thải							
G.D.117	Chất thải được lưu giữ và được xử lý chỉ ở những nơi đã được quy định. Chất thải không nguy hại được sử dụng lại hoặc được tái chế bất cứ khi nào có thể. Chất thải hữu cơ được sử dụng làm phân bón.	G+M					
G.D.118	Có trung tâm thu gom được xây dựng/thiết lập cho chất thải nguy hiểm, như là pin, thuốc y tế hết hạn và chất thải điện tử.	G					Chất thải thu gom được xử lý theo cách hạn chế thấp nhất nguy cơ đối với môi trường và sức khỏe con người

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Tổng điểm kiểm soát bắt buộc trên năm	58	87	104	111
Tổng số điểm kiểm soát bổ sung trên năm	60	31	14	7
Số điểm kiểm soát bổ sung phải tuân thủ trên năm	6	3	3	1
Tổng số điểm kiểm soát phải tuân thủ trên năm	64	90	107	112